

Số Tháng 02/2025

lpard

BÁO CÁO TÌNH HÌNH
XUẤT NHẬP KHẨU NÔNG LÂM THỦY SẢN

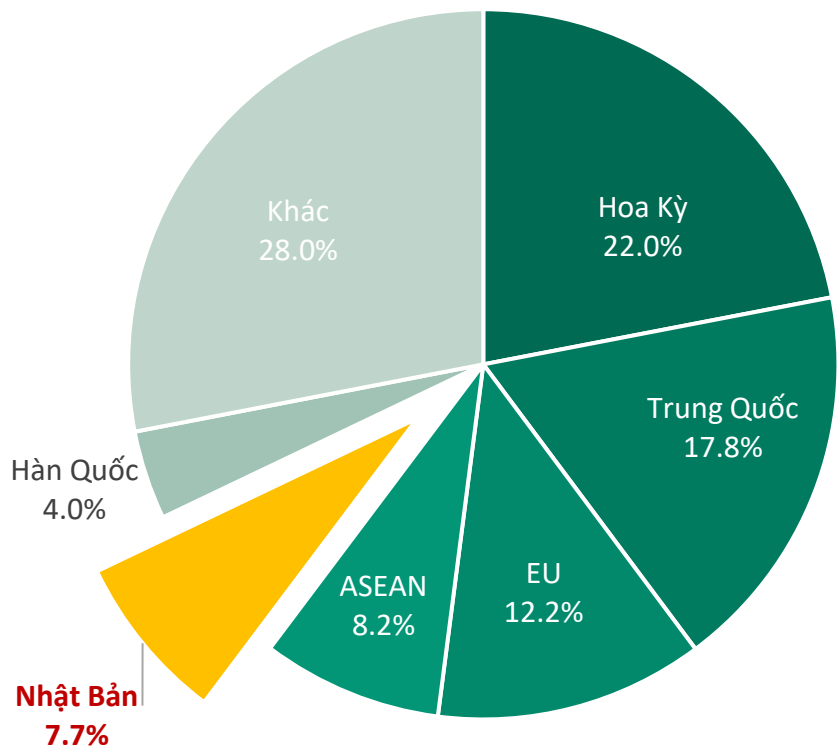
THỊ TRƯỜNG NHẬT BẢN

Thực hiện: **AGROINFO**



TÌNH HÌNH XUẤT NHẬP KHẨU NÔNG LÂM THỦY SẢN VIỆT NAM SANG THỊ TRƯỜNG NHẬT BẢN THÁNG 01/2025

Tỷ trọng xuất khẩu NLTS Việt Nam - Nhật Bản, T01/2025



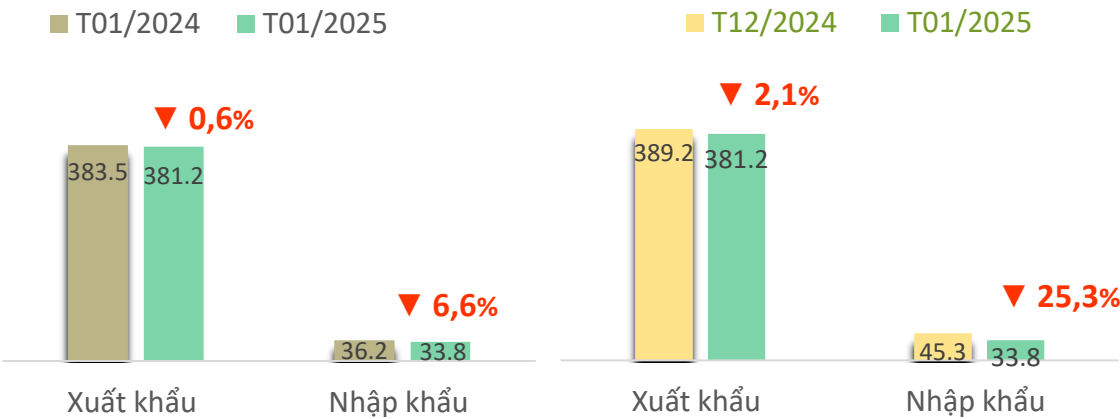
Biến động tỷ trọng xuất khẩu NLTS sang thị trường Nhật Bản, T01/2025 so với T12/2024 và T01/2024

Thị trường	Giá trị (triệu USD)	So với T12/2024	So với T01/2024
Hoa Kỳ	1.093,94	▼ 0,4%	▲ 0,5%
Trung Quốc	887,75	▼ 3,3%	▼ 3,2%
EU	609,58	▲ 2,4%	▲ 2,3%
ASEAN	408,65	▼ 1,3%	▼ 1,7%
Nhật Bản	381,24	▲ 0,9%	▲ 0,5%
Hàn Quốc	201,62	▲ 0,2%	▲ 0,2%
Tổng XK NLTS cả nước	4.978,74		

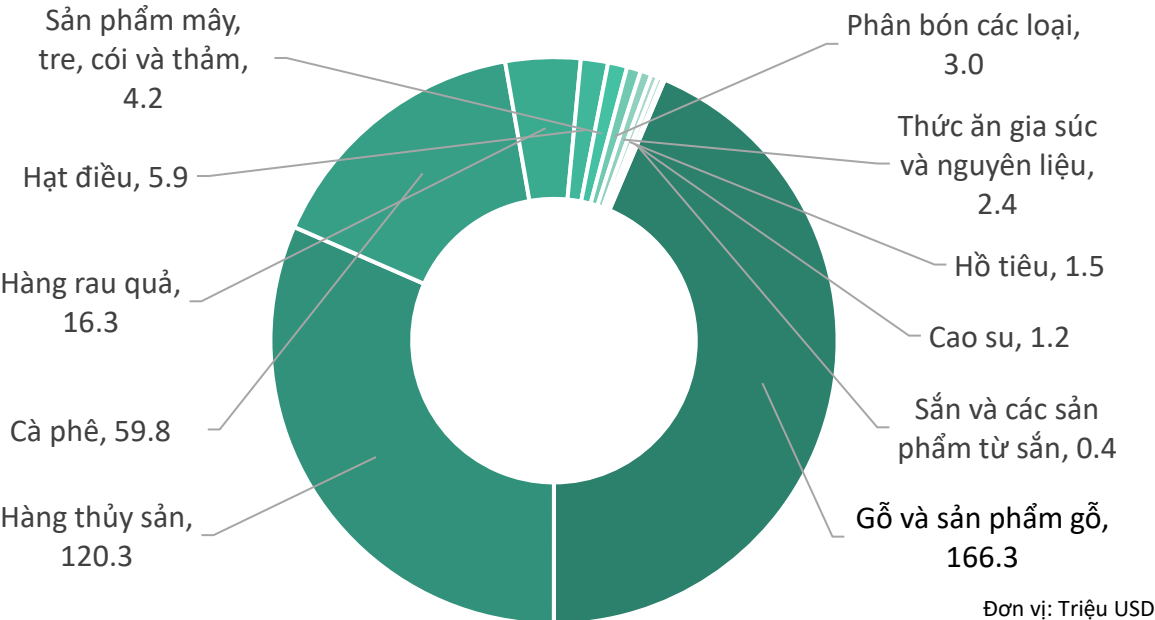
TÌNH HÌNH XUẤT NHẬP KHẨU NÔNG LÂM THỦY SẢN VIỆT NAM SANG THỊ TRƯỜNG NHẬT BẢN THÁNG 01/2025

Đơn vị: Triệu USD

Kim ngạch xuất nhập khẩu NLTS Việt Nam - Nhật Bản, T01/2025

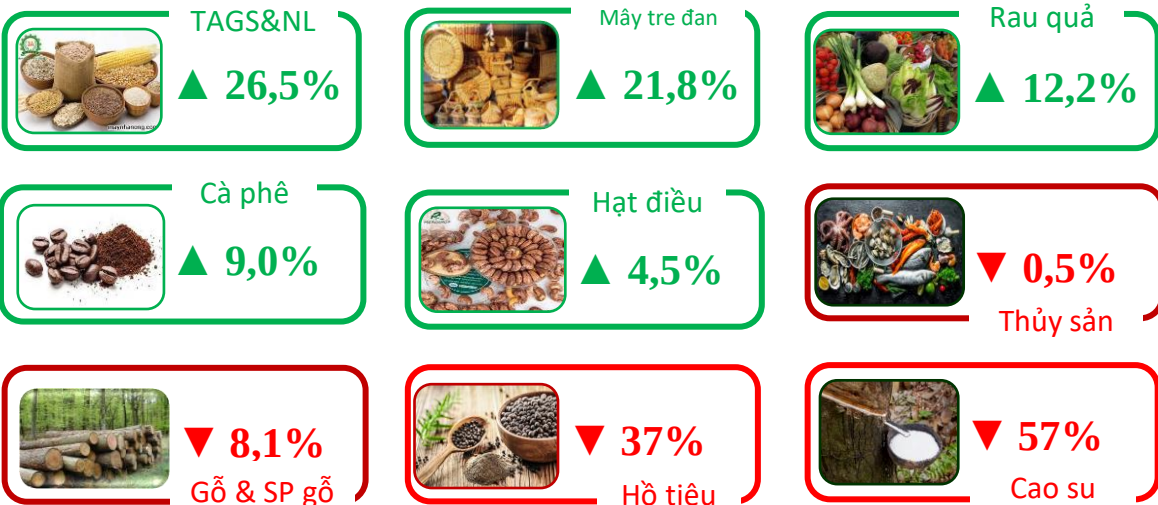


Kim ngạch xuất khẩu NLTS chính Việt Nam sang Nhật Bản, T01/2025

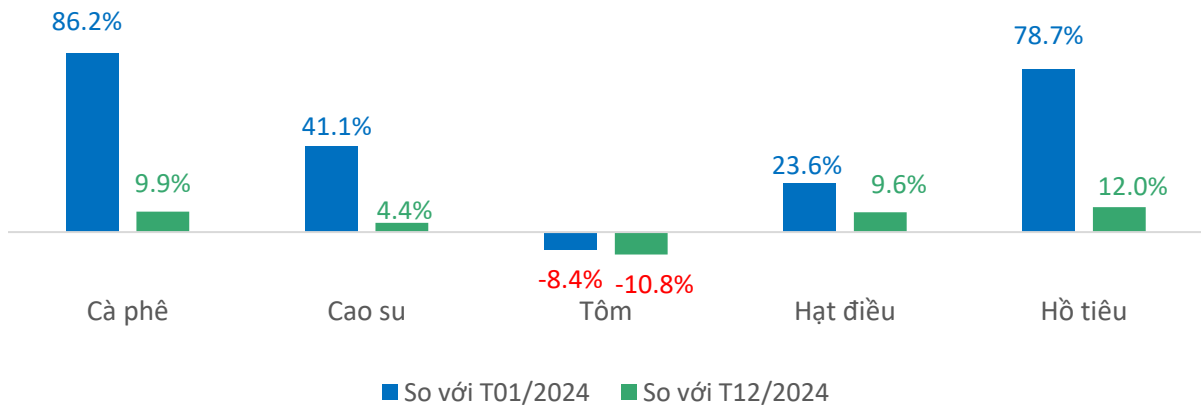


Đơn vị: Triệu USD

Biến động giá trị XK NLTS chính sang thị trường Nhật Bản T01/2025 so với T12/2024



Biến động giá XK bình quân của một số sản phẩm NLTS chính sang thị trường Nhật Bản, T01/2025 so với tháng trước và cùng kỳ năm 2024



Nguồn: Tổng hợp từ số liệu của Tổng cục Hải quan

Kinh tế Nhật Bản trong Quý 4/2024 tăng trưởng nhanh hơn dự báo

Ngày 17/02, Văn phòng Nội các Nhật Bản cho biết, tổng sản phẩm trong nước (GDP) trong quý 4/2024 đạt mức tăng trưởng 2,8%, vượt xa mức dự báo tăng trưởng 1% mà các chuyên gia kinh tế đưa ra.

Trong quý 4/2024, đầu tư cơ bản của khu vực tư nhân tăng 0,5%, thấp hơn mức dự báo 1% nhưng đảo ngược chiều tăng trưởng của quý trước. Tiêu dùng tư nhân tăng 0,1% trong quý 4, thấp hơn mức tăng 0,7% trong quý 3.

Nhu cầu bên ngoài rùng (xuất khẩu trừ đi nhập khẩu) đóng góp 0,7% vào tăng trưởng GDP do nhập khẩu giảm.

Bộ trưởng Kinh tế Nhật Bản cảnh báo niềm tin tiêu dùng có thể giảm do giá thực phẩm và hàng hóa thiết yếu tăng. Ngoài ra, chính sách thuế quan khó lường của Tổng thống Hoa Kỳ Donald Trump có thể gây gián đoạn thương mại toàn cầu và tác động tiêu cực đến Nhật Bản, quốc gia phụ thuộc nhiều vào xuất khẩu sang Hoa Kỳ.



Nguồn: vneconomy.vn

Giá gạo ở Nhật tăng gần 90% so với cùng kỳ năm ngoái

Bộ Nông nghiệp Nhật Bản cho biết trong tuần đầu tiên của tháng 2, giá bán lẻ một túi gạo 5kg tại các siêu thị trên khắp nước này chạm mức 3.829 yen (khoảng 25,22 USD), tăng gần 90% so với cùng kỳ năm ngoái.

Giống lúa Japonica Koshihikari - phổ biến nhất tại Nhật Bản - đối mặt nguy cơ biến mất do biến đổi khí hậu. Tại tỉnh Niigata – một trong những vùng trồng lúa chính của Nhật Bản, vụ mùa năm 2024

bị ảnh hưởng nặng, chỉ 5% sản lượng đạt tiêu chuẩn thương mại so với mức 80% thông thường.

Nhật Bản hiện thiếu gạo nghiêm trọng nên chính phủ đã đưa 210.000 tấn gạo từ kho dự trữ khẩn cấp ra thị trường để kiểm soát giá. Thị trường gạo cũng chịu ảnh hưởng bởi tâm lý tích trữ của người dân do lo ngại thiên tai và khủng hoảng nguồn cung.



Nguồn: tuoitre.vn



Tin liên quan

Nhật Bản sẽ cắt giảm 60% lượng khí thải nhà kính vào năm 2035

Ngày 18/02, Chính phủ Nhật Bản đã phê duyệt kế hoạch năng lượng cơ bản mới, nhấn mạnh mục tiêu giảm 60% lượng khí thải gây hiệu ứng nhà kính vào 2035 và 73% vào năm 2040.

Năng lượng hạt nhân dự kiến sẽ chiếm khoảng 20% tổng sản lượng năng lượng của Nhật Bản vào năm 2040, gần bằng mức mục tiêu năm 2030 là 20-22%, đánh dấu sự thay

đổi so với quyết tâm trước đó của chính phủ là giảm thiểu sự phụ thuộc vào năng lượng hạt nhân sau thảm họa hạt nhân Fukushima năm 2011.

Theo kế hoạch, các nguồn năng lượng tái tạo sẽ chiếm khoảng 40-50% năng lượng tổng hợp vào năm tài chính 2040, gần gấp đôi mức 22,9% được ghi nhận vào năm 2023.



Nguồn: nhandan.vn

UNDP và Chính phủ Nhật Bản hợp tác thúc đẩy hệ sinh thái đổi mới sáng tạo tại Việt Nam

Ngày 27/02, tại Hà Nội, Chương trình Phát triển Liên Hợp Quốc (UNDP) và Đại sứ quán Nhật Bản đã ký kết Thỏa thuận khởi động sáng kiến “Nâng cao năng lực hỗ trợ đổi mới sáng tạo của Trung tâm Đổi mới Sáng tạo Quốc gia”.

Mục tiêu của sáng kiến là tăng cường hệ sinh

thái đổi mới sáng tạo, nâng cao vị thế của các doanh nghiệp Việt Nam, đặc biệt là các công ty khởi nghiệp, nâng cao năng lực cạnh tranh, giải quyết các thách thức xã hội, đồng thời đóng góp vào tăng trưởng kinh tế bền vững và bao trùm. Sáng kiến hỗ trợ mục tiêu của Việt Nam trở thành quốc gia phát triển vào năm 2045.



Nguồn: daibieunhandan.vn

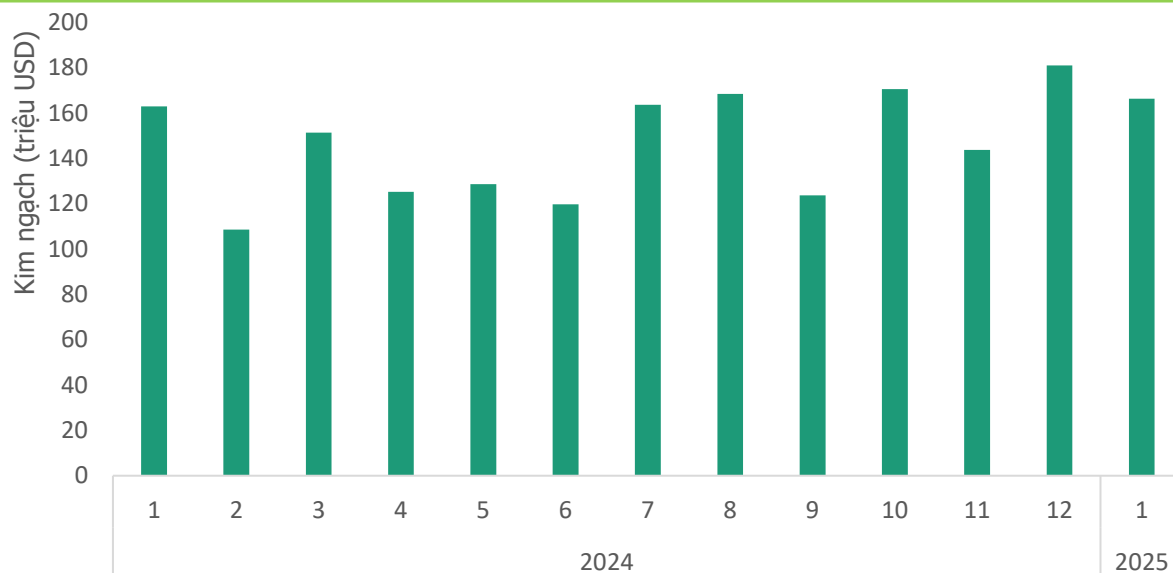


Tin liên quan



GỖ VÀ SP GỖ

Giá trị gỗ và SP gỗ xuất khẩu sang thị trường Nhật Bản, T01/2025



Kết quả xuất khẩu gỗ và SP gỗ sang thị trường Nhật Bản, T01/2025

KIM NGẠCH



166

triệu USD

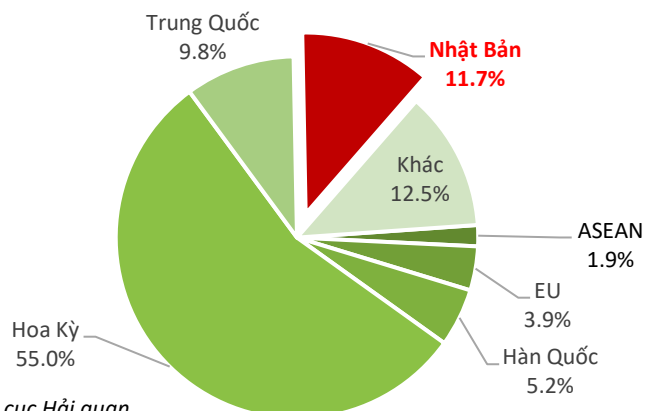
↘ Giảm **8,1%** so với T12/2024

↗ Tăng **2,1%** so với T01/2024

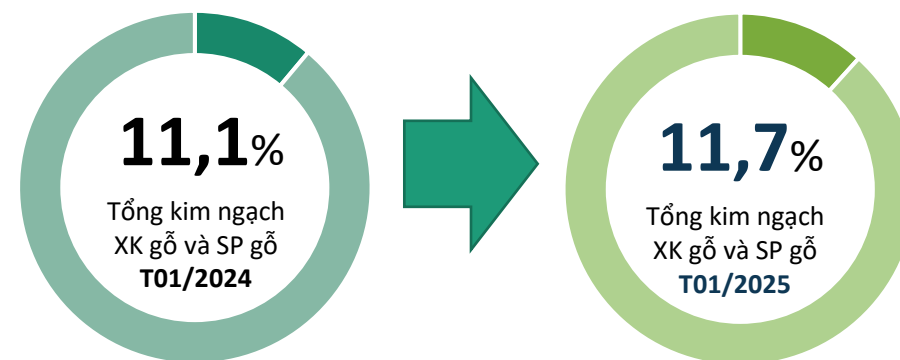
↑ Cao hơn **20,7 triệu USD** so với bình quân theo tháng năm 2024

❖ Giá trị xuất khẩu T01/2025 đạt **166,3** triệu USD, đạt **9,5%** kim ngạch 2024

Tỷ trọng giá trị gỗ và SP gỗ VN sang thị trường Nhật Bản, T01/2025



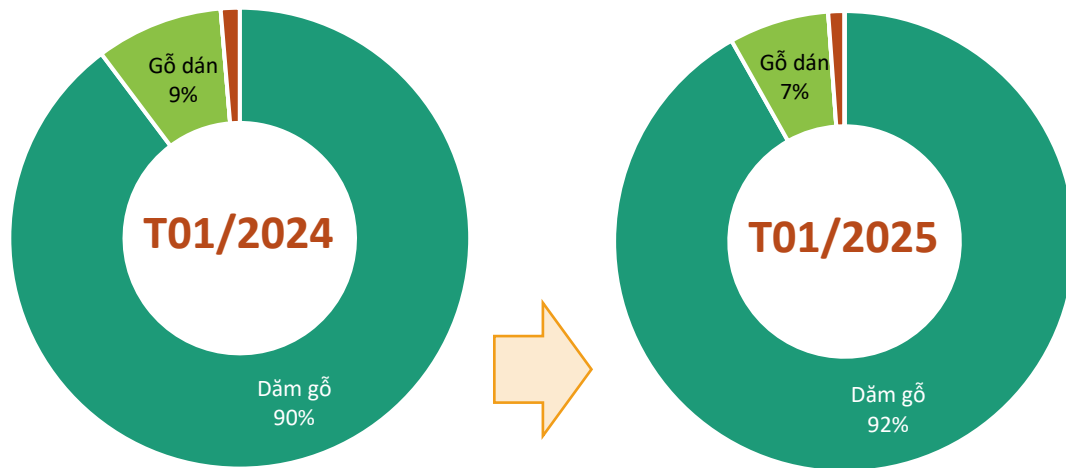
Biến động tỷ trọng giá trị gỗ và SP gỗ VN sang thị trường Nhật Bản, T01/2025





GỖ VÀ SP GỖ

Cơ cấu chủng loại gỗ và SP gỗ XK sang thị trường Nhật Bản, T01/2025



Kết quả xuất khẩu gỗ và SP gỗ sang thị trường Nhật Bản, T01/2025



Dăm gỗ

Kim ngạch: **111** triệu USD
Giảm **12%** so với T12/2024
Tăng **14%** so với T01/2024



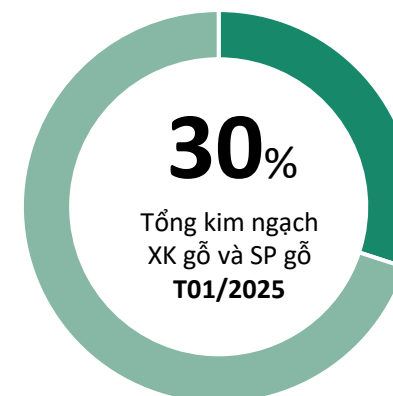
Gỗ dán

Kim ngạch: **8,5** triệu USD
Giảm **8%** so với T12/2024
Giảm **12%** so với T01/2024

TOP 5 doanh nghiệp về kim ngạch XK sang thị trường Nhật Bản, T01/2025



Tỷ trọng về kim ngạch của TOP 5 DN XK sang thị trường Nhật Bản, T01/2025





GỖ VÀ SP GỖ



ĐIỂM TIN THỊ TRƯỜNG GỖ VÀ SP GỖ NHẬT BẢN

Trong tháng 11/2024, giá trị nhập khẩu sắn gỗ lắp ráp (HS441871-79) của Nhật Bản tăng 30% so với tháng trước, nhờ vào sự mạnh lên của đồng Yên, giúp giảm giá nhập khẩu so với nửa đầu năm. Nhóm sản phẩm nhập khẩu lớn nhất là sắn gỗ ghép nhiều lớp (HS441875), chiếm 64% tổng giá trị nhập khẩu. Đối với sắn gỗ ghép nhiều lớp (HS441875), Trung Quốc là nhà cung cấp chính, chiếm 65% tổng lượng nhập khẩu. Việt Nam đứng thứ hai với 26%. Tiếp theo là Malaysia và Indonesia.

Trong tháng 11/2024, Nhật Bản nhập khẩu 126.020 m³ ván ép (HS441210-39), tăng nhẹ so với 122.810 m³ trong tháng 10/2024, và gần như không thay đổi so với cùng kỳ năm 2023. Malaysia và Indonesia là hai thị trường cung cấp ván ép chính cho Nhật Bản, chiếm gần 80% tổng khối lượng nhập khẩu trong tháng 11 năm 2024. Tiếp theo là Việt Nam và Trung Quốc.

Nguồn: ITTO

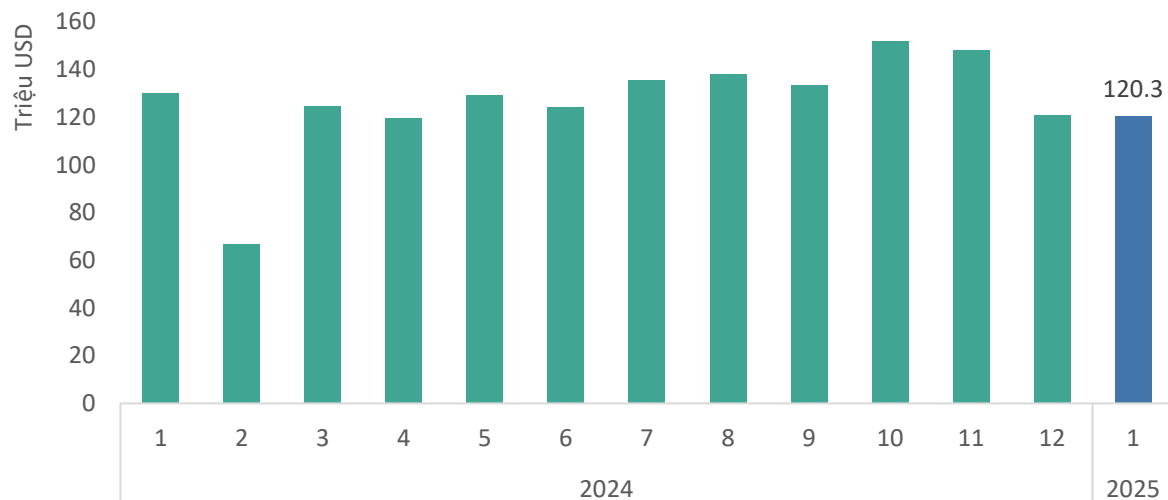


TIN LIÊN QUAN

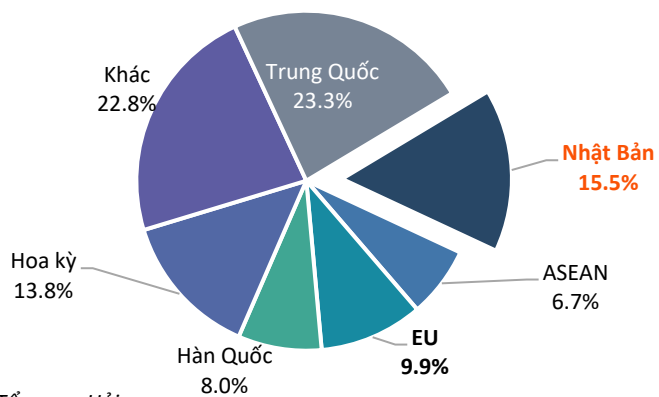


THỦY SẢN

Giá trị xuất khẩu thủy sản sang thị trường Nhật Bản, T01/2025



Tỷ trọng giá trị thủy sản Việt Nam sang thị trường Nhật Bản, T01/2025



Nguồn: Tổng hợp từ số liệu của Tổng cục Hải quan

Kết quả xuất khẩu thủy sản sang thị trường Nhật Bản, T01/2025

KIM NGẠCH

120,3 triệu USD



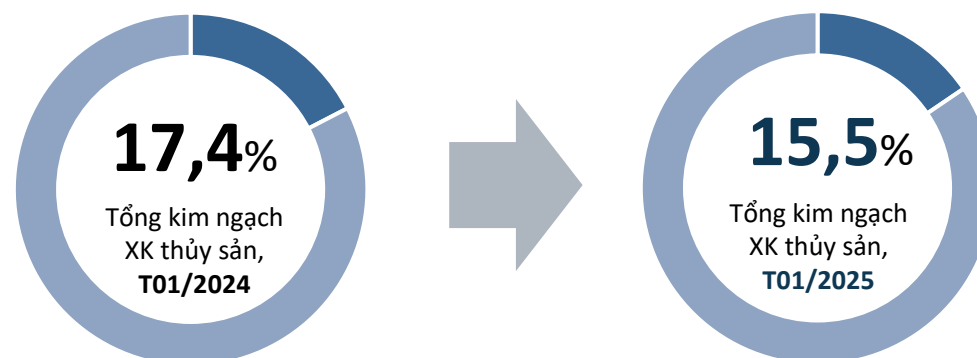
↘ Giảm **0,5%** so với T12/2024

↘ Giảm **7,6%** so với T01/2024

▼ Thấp hơn **6,6** triệu USD so với bình quân theo tháng năm 2024

❖ Tháng 01 năm 2025 đạt **120,3** triệu USD, đạt **7,9%** kim ngạch 2024

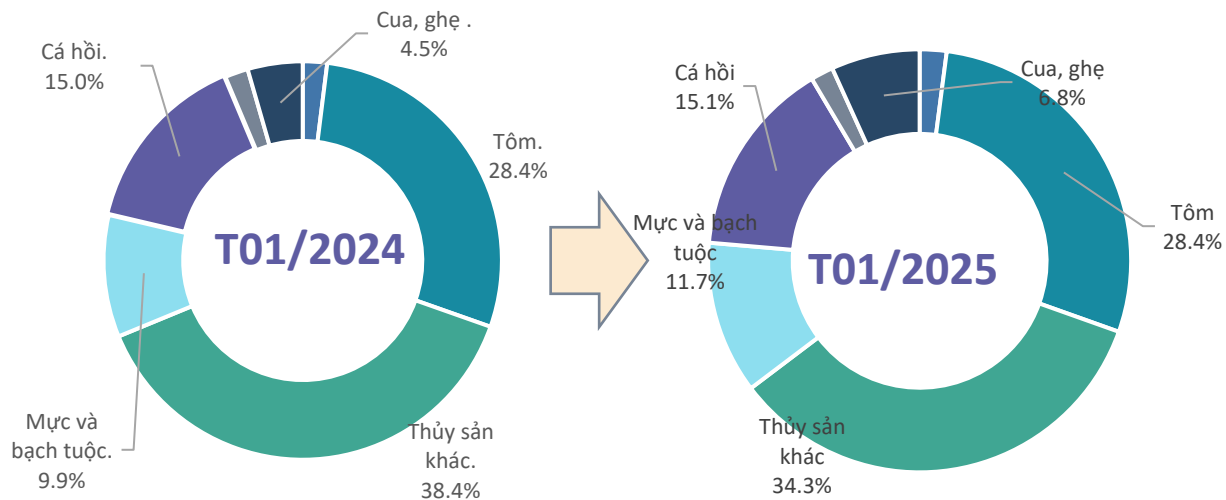
Biến động tỷ trọng giá trị thủy sản sang thị trường Nhật Bản, T01/2025



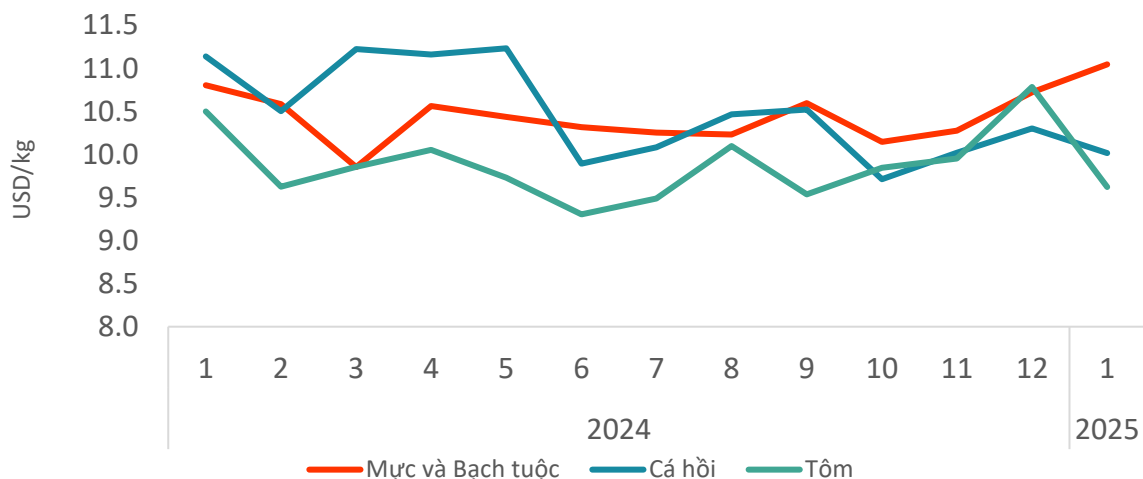


THỦY SẢN

Cơ cấu chủng loại thủy sản xuất khẩu sang thị trường Nhật Bản, T01/2025



Giá thủy sản xuất khẩu bình quân sang thị trường Nhật Bản, T01/2025



Kết quả xuất khẩu thủy sản sang thị trường Nhật Bản, T01/2025



Cá hồi

Kim ngạch: **18,2** Triệu USD
Tăng **5,8%** so với T12/2024
Giảm **6,8%** so với T01/2024



Tôm

Kim ngạch: **34,2** Triệu USD
Giảm **18,6%** so với T12/2024
Giảm **7,8%** so với T01/2024



Mực và bạch tuộc

Kim ngạch: **14,0** Triệu USD
Tăng **38,6%** so với T12/2024
Tăng **8,9%** so với T01/2024

Mực và Bạch tuộc

Giá xuất khẩu bình quân trong T01/2025 ở mức **11,0** USD/kg; **tăng 3,0%** so với tháng trước; và **giảm 2,2%** so với cùng kỳ năm 2024.

Cá hồi

Giá xuất khẩu bình quân trong T01/2025 ở mức **10,0** USD/kg; **giảm 2,7%** so với tháng trước; và **giảm 10,1%** so với cùng kỳ năm 2024.

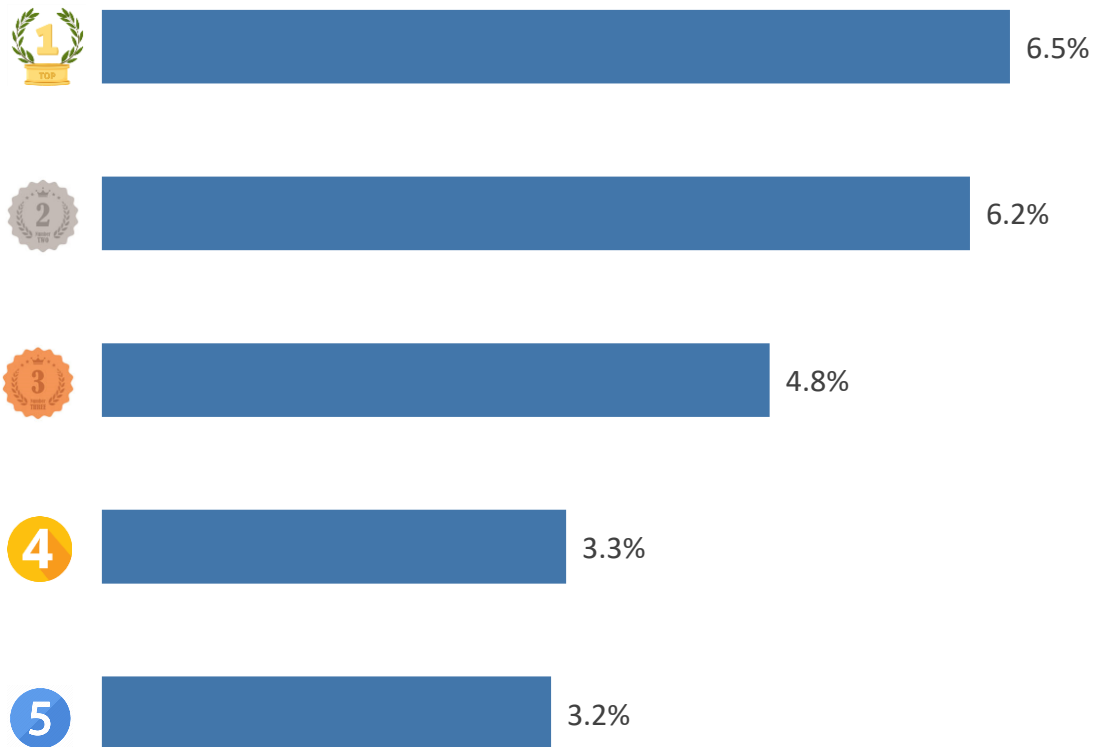
Tôm

Giá xuất khẩu bình quân trong T01/2025 ở mức **9,6** USD/kg; **giảm 10,8%** so với tháng trước; và **giảm 8,4%** so với cùng kỳ năm 2024.

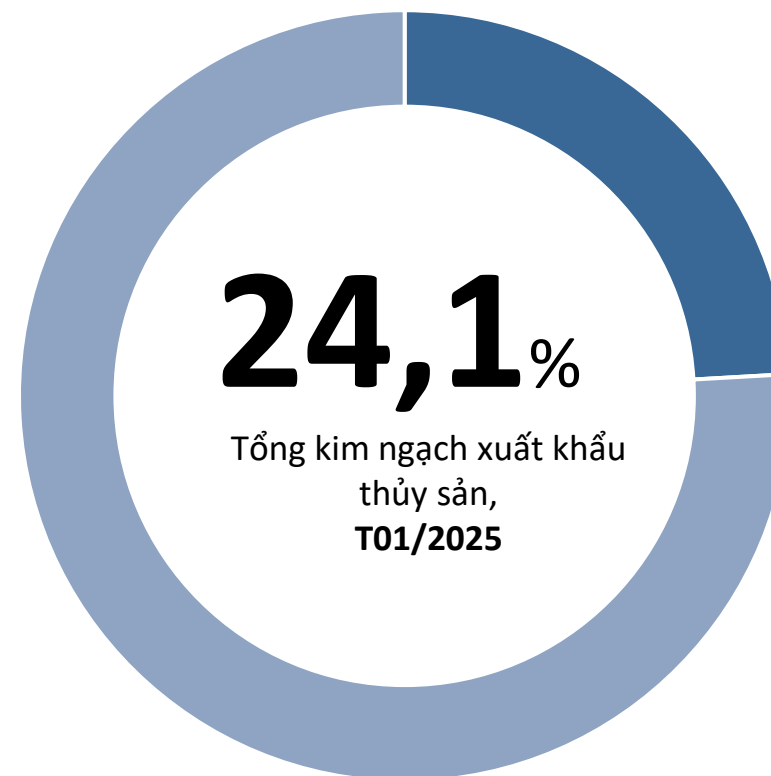


THỦY SẢN

TOP 5 doanh nghiệp về kim ngạch XK sang thị trường Nhật Bản, T01/2025



Tỷ trọng về kim ngạch của TOP 5 DN XK sang thị trường Nhật Bản, T01/2025



Xuất khẩu thủy sản của Nhật Bản giảm trong năm 2024

Ảnh hưởng của lệnh cấm nhập khẩu từ Trung Quốc và Hồng Kông sau sự kiện xả nước xử lý từ nhà máy điện hạt nhân Fukushima tiếp tục tác động lên ngành thủy sản của Nhật Bản. Năm 2024 giá trị xuất khẩu thủy sản giảm 6,3% so với năm trước. Tuy nhiên, Nhật Bản đã nỗ lực mở rộng thị trường mới, đặc biệt là xuất khẩu sò điệp, giúp mặt hàng này vẫn duy trì vị trí dẫn đầu với giá trị xuất khẩu tăng 0,9%, đạt 69,5 tỷ yên (khoảng 464 triệu USD).

Xuất khẩu thủy sản sang Trung Quốc giảm mạnh, chỉ đạt 6,1 tỷ yên (khoảng 41 triệu USD), chưa bằng 1/10 so với mức 87,1 tỷ yên (khoảng 581 triệu USD) của năm 2022 trước khi lệnh cấm được áp dụng. Trong khi đó, xuất khẩu sang Hoa Kỳ tăng mạnh, góp phần bù đắp phần nào sự sụt giảm từ thị trường Trung Quốc. Nhật Bản vẫn tiếp tục tìm kiếm các thị trường thay thế để duy trì tăng trưởng trong ngành thủy sản bất chấp những thách thức về thương mại.

Nguồn: nippon.com (T02/2025)





RAU QUẢ (XUẤT KHẨU)

Giá trị rau quả xuất khẩu sang thị trường Nhật Bản, T01/2025



Kết quả xuất khẩu rau quả sang thị trường Nhật Bản, T01/2025

KIM NGẠCH

16,3
triệu USD

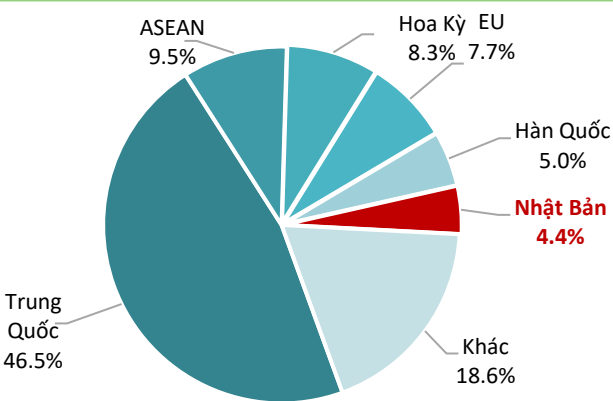
Tăng 12,2% so với T12/2024

Giảm 3,4% so với T01/2024

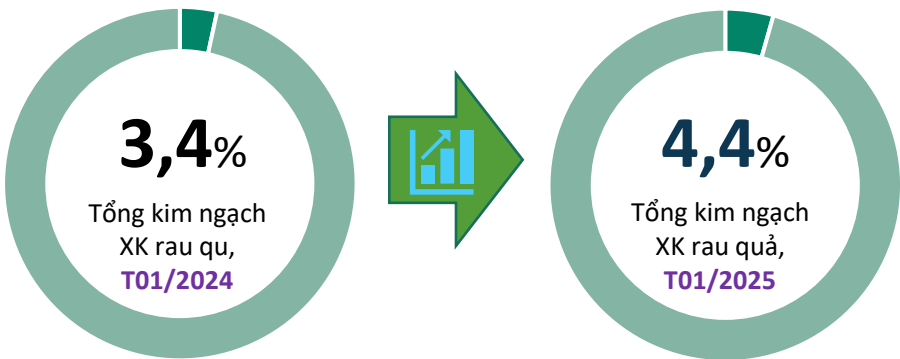
Thấp hơn 0,64 triệu USD so với bình quân theo tháng năm 2024

Tháng 01 năm 2025 đạt 16,3 triệu USD, đạt 8,0% kim ngạch 2024

Tỷ trọng giá trị rau quả Việt Nam sang thị trường Nhật Bản, T01/2025



Biến động tỷ trọng giá trị rau quả XK sang thị trường Nhật Bản, T01/2025

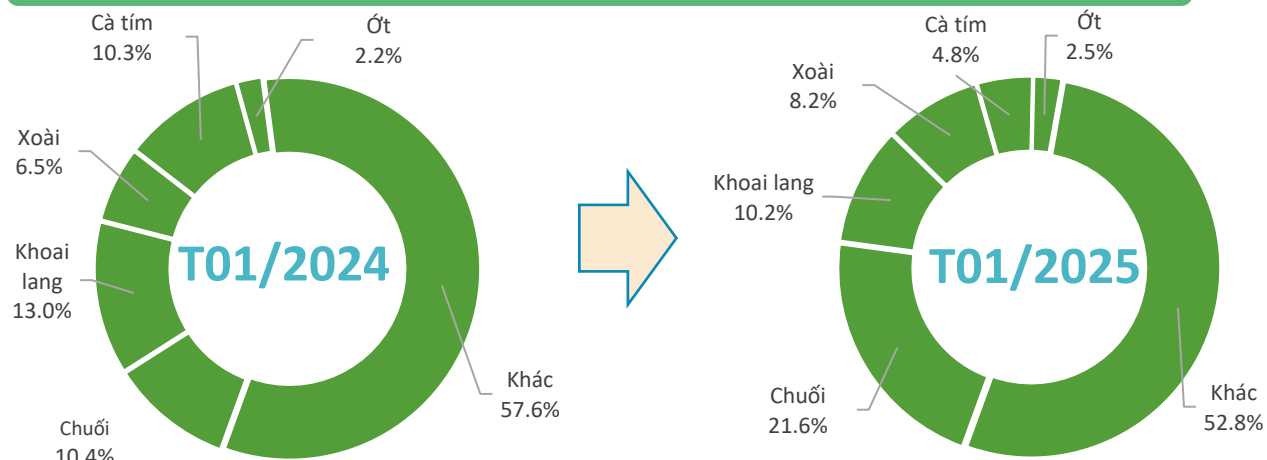


Nguồn: Tổng hợp từ số liệu của Tổng cục Hải quan



RAU QUẢ (XUẤT KHẨU)

Cơ cấu chủng loại rau quả xuất khẩu sang thị trường Nhật Bản, T01/2025



Khoai lang

Kim ngạch: **1,7** triệu USD
Giảm **15,3%** so với T12/2024
Giảm **24,4%** so với T01/2024



Xoài

Kim ngạch: **1,3** triệu USD
Tăng **20,2%** so với T12/2024
Tăng **22,9%** so với T01/2024

Kết quả xuất khẩu rau quả sang thị trường Nhật Bản, T01/2025



Chuối

Kim ngạch: **3,5** triệu USD
Tăng **22,4%** so với T12/2024
Tăng **99,9%** so với T01/2024



Cà tím

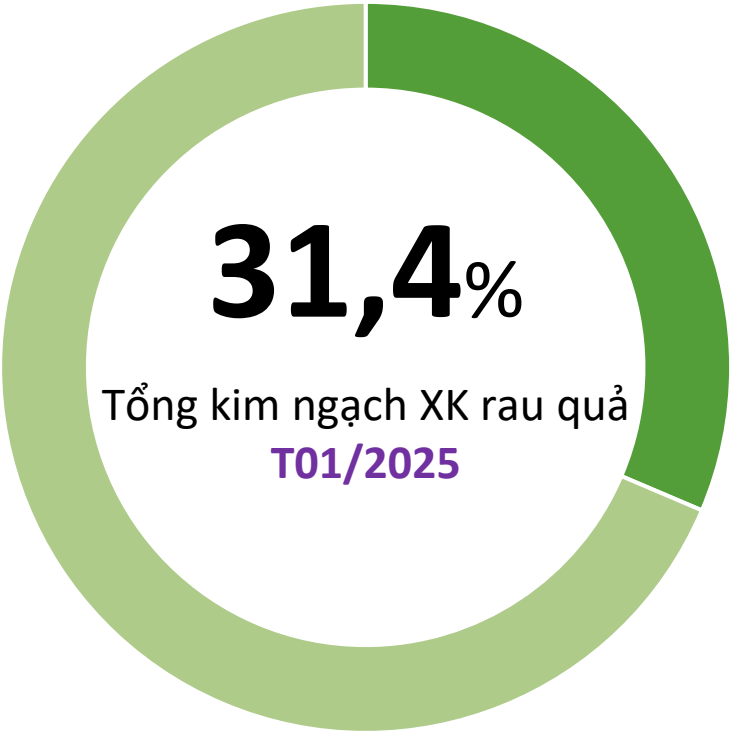
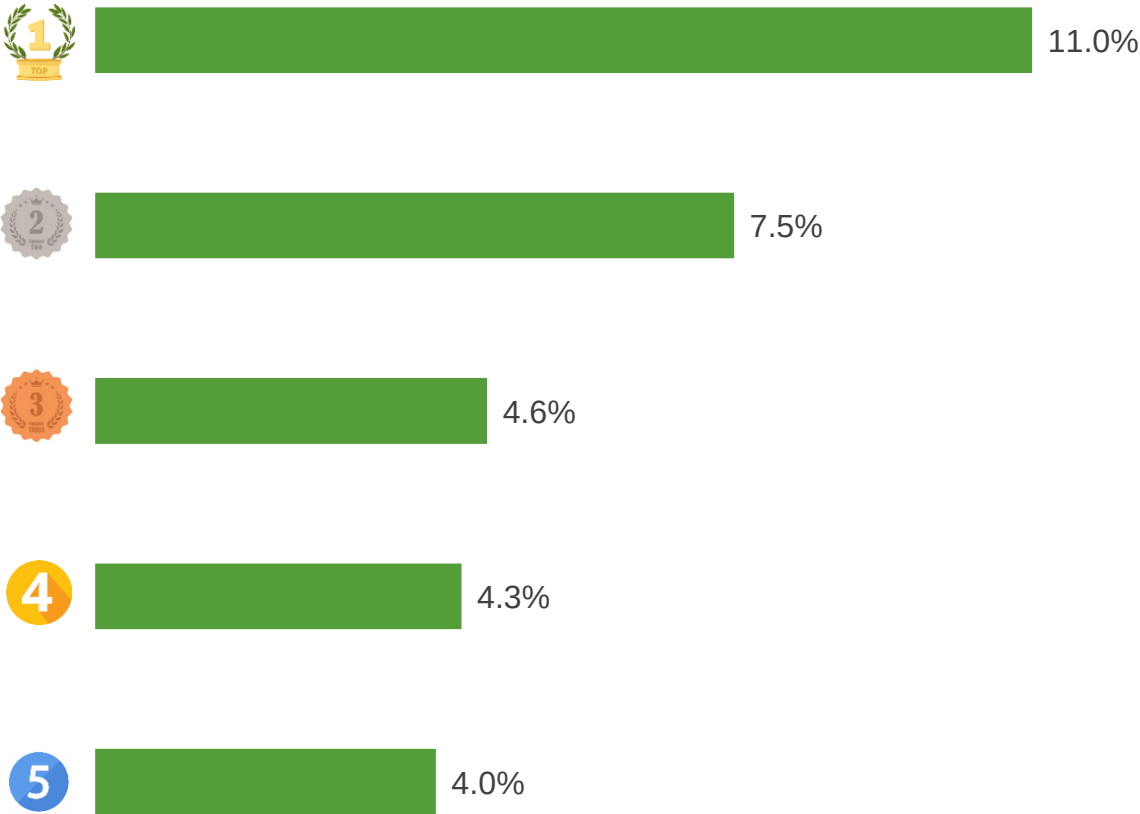
Kim ngạch: **0,78** triệu USD
Giảm **41,3%** so với T12/2024
Giảm **55,1%** so với T01/2024



RAU QUẢ (XUẤT KHẨU)

TOP 5 doanh nghiệp về kim ngạch xuất khẩu sang thị trường Nhật Bản, T01/2025

Tỷ trọng về kim ngạch của TOP 5 doanh nghiệp xuất khẩu sang thị trường Nhật Bản, T01/2025



Nguồn: Tổng hợp từ số liệu của Tổng cục Hải quan



RAU QUẢ (NHẬP KHẨU)

Giá trị rau quả nhập khẩu từ thị trường Nhật Bản, T01/2025



Kết quả nhập khẩu rau quả từ thị trường Nhật Bản, T01/2025

KIM NGẠCH



0,7

triệu USD

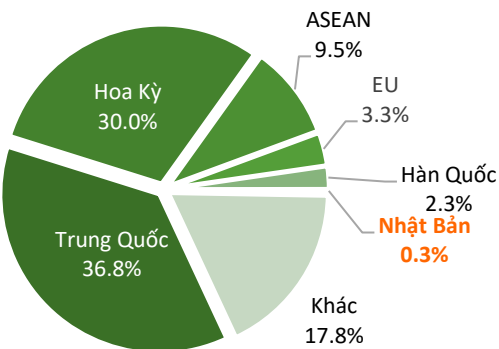
Giảm **38,0%** so với T12/2024

Giảm **36,7%** so với T01/2024

Cao hơn **158,1 nghìn USD** so với bình quân theo tháng năm 2024

Tháng 01 năm 2025 đạt **0,7 triệu USD**, đạt **10,7%** kim ngạch 2024

Tỷ trọng giá trị rau quả Việt Nam NK từ thị trường Nhật Bản, T01/2025



Biến động tỷ trọng giá trị rau quả VN NK từ thị trường Nhật Bản, T01/2025



Rau quả

ĐIỂM TIN THỊ TRƯỜNG RAU QUẢ NHẬT BẢN



Giá bắp cải, rau củ tăng cao tại Nhật Bản

Giá rau đang tăng mạnh ở Nhật Bản. Đáng chú ý nhất là bắp cải, giá bán lẻ bắp cải trồng trong nước cao gấp 2,5 lần so với cùng kỳ năm trước, trong khi lượng nhập khẩu trong tháng 1 tăng hơn 40 lần. Rau diếp, hành lá và củ cải Nhật Bản đều có giá cao gấp khoảng 1,5 lần so với giá thông thường.

Nguồn: Nhk.or.jp

Táo được cất giữ dưới tuyết để tăng độ ngọt ở Aomori

Tại tỉnh Aomori, đông bắc Nhật Bản, một nhóm khách du lịch đã tập trung để đào những quả táo do một số công ty trái cây địa phương bảo quản trong tuyết ở độ cao khoảng 750 mét trên dãy núi Hakkoda và nếm thử. Máy móc hạng nặng được sử dụng để phá vỡ lớp tuyết dày hơn 4 mét. Sau đó, người tham gia dùng xẻng để tìm ra các thùng gỗ chứa 30.000 quả táo Sun Fuji đỏ. Những quả táo này đã được lưu giữ dưới tuyết khoảng hai tháng, nơi nhiệt độ và độ ẩm ổn định, giúp tăng độ ngọt của táo.

Nguồn: Freshplaza.com

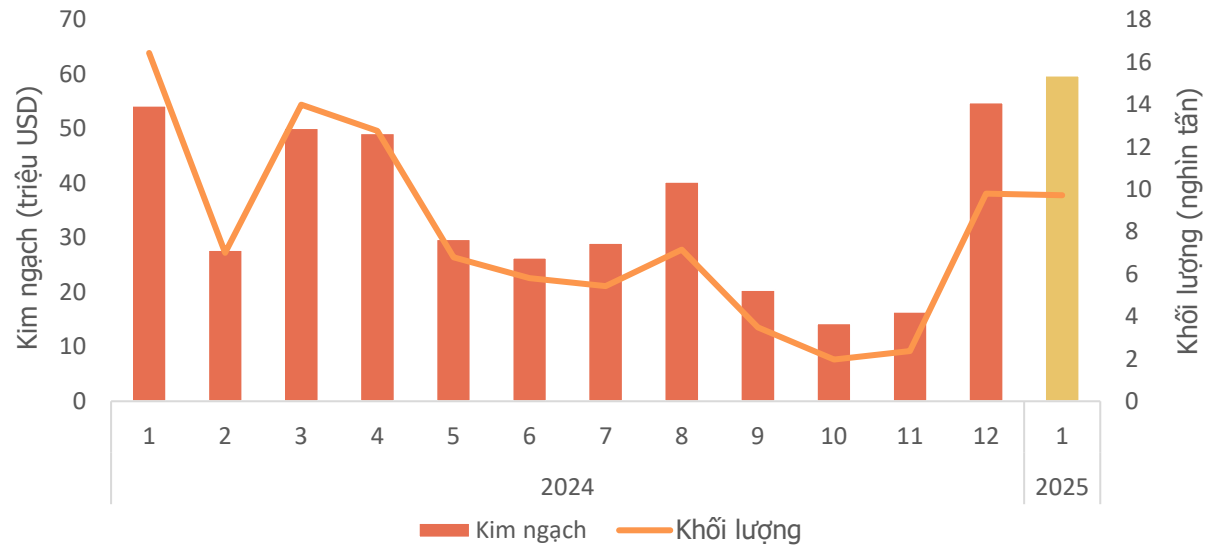


Tin liên quan



CÀ PHÊ

Khối lượng và giá trị cà phê xuất khẩu sang thị trường Nhật Bản, T01/2025



Kết quả xuất khẩu cà phê sang thị trường Nhật Bản, T01/2025

KIM NGẠCH
59,8 triệu USD

➤ Tăng **9%** so với T12/2024

➤ Tăng **10,1%** so với T01/2024

➤ Cao hơn **25,4** triệu USD so với bình quân theo tháng năm 2024.

❖ Giá trị xuất khẩu tháng 1 năm 2025 đạt **59,8** triệu USD, đạt **14,5%** kim ngạch 2024.

KHỐI LƯỢNG
9,7 nghìn tấn

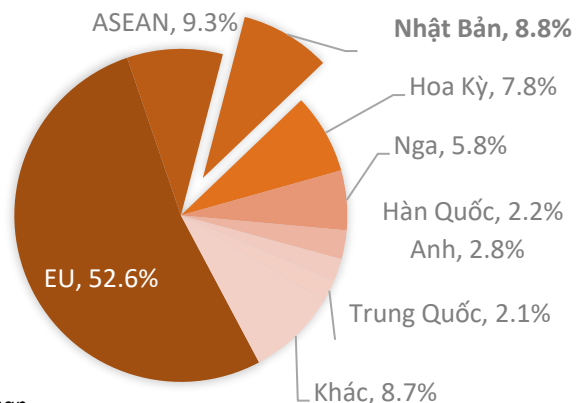
➤ Giảm **0,8%** so với T12/2024

➤ Giảm **40,9%** so với T01/2024

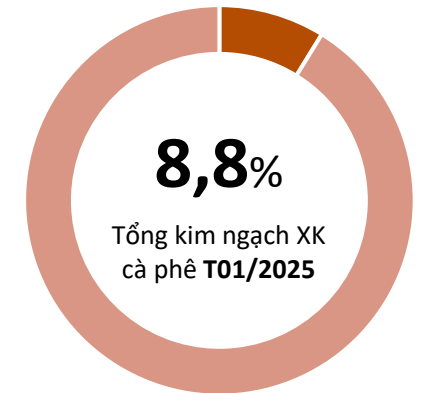
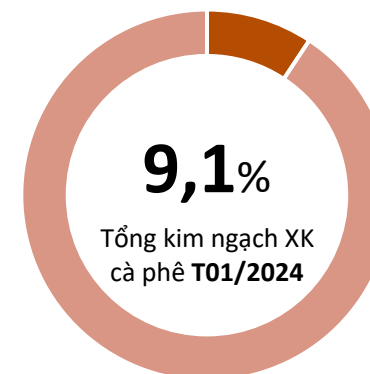
➤ Cao hơn **2** nghìn tấn so với bình quân theo tháng năm 2024.

❖ Khối lượng xuất khẩu tháng 1 năm 2025 đạt **9,7** nghìn tấn, đạt **10,5%** khối lượng năm 2024.

Tỷ trọng giá trị cà phê Việt Nam sang thị trường Nhật Bản, T01/2025

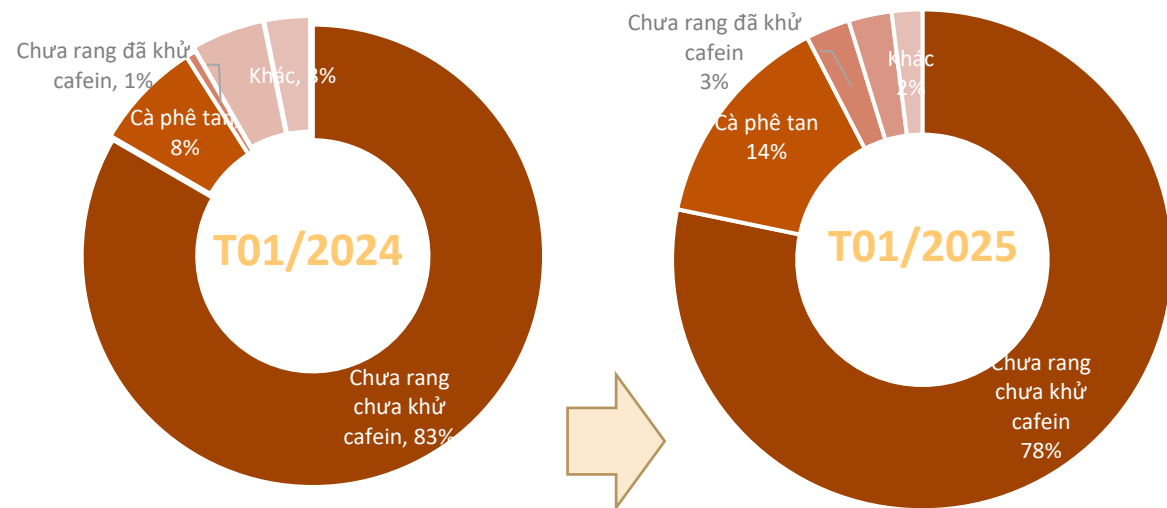


Biến động tỷ trọng giá trị cà phê XK sang thị trường Nhật Bản, T01/2025

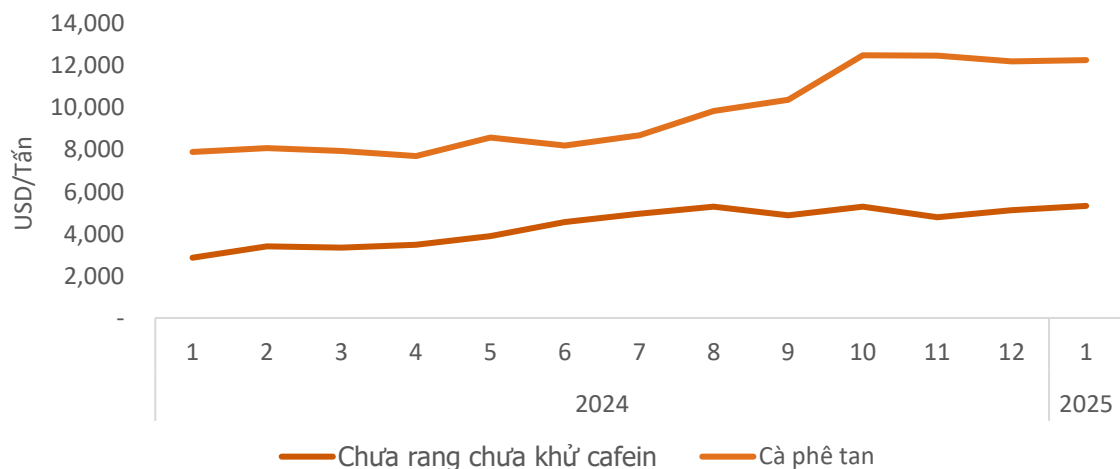


CÀ PHÊ

Cơ cấu chủng loại cà phê xuất khẩu sang thị trường Nhật Bản, T01/2025



Giá cà phê xuất khẩu bình quân sang thị trường Nhật Bản, T01/2025



Nguồn: Tổng hợp từ số liệu của Tổng cục Hải quan

Kết quả xuất khẩu cà phê sang thị trường Nhật Bản, T01/2025



Chưa rang chưa khử cafein

Kim ngạch: **40,7** Triệu USD
Giảm **4,9%** so với T12/2024
Tăng **6,2%** so với T01/2024



Cà phê tan

Kim ngạch: **13,8** Triệu USD
Tăng **78,1%** so so với T12/2024
Tăng **88,6%** so với T01/2024



Đã rang chưa khử cafein

Kim ngạch: **1,9** Triệu USD
Tăng **25,9%** so với T12/2024
Giảm **10,6%** so với T01/2024

Cà phê tan

Giá xuất khẩu bình quân trong T01/2025 ở mức **12.261** USD/tấn, **tăng 0,6%** so với tháng trước, và **tăng 55,3%** so với cùng kỳ năm 2024.

Cà phê chưa rang chưa khử cafein

Giá xuất khẩu bình quân trong T01/2025 ở mức **5.326** USD/tấn; **tăng 3,9%** so với tháng trước, và **tăng 86%** so với cùng kỳ năm 2024.



CÀ PHÊ

TOP 5 doanh nghiệp về kim ngạch XK sang thị trường Nhật Bản, T01/2025



38.2%



10.5%



7.6%

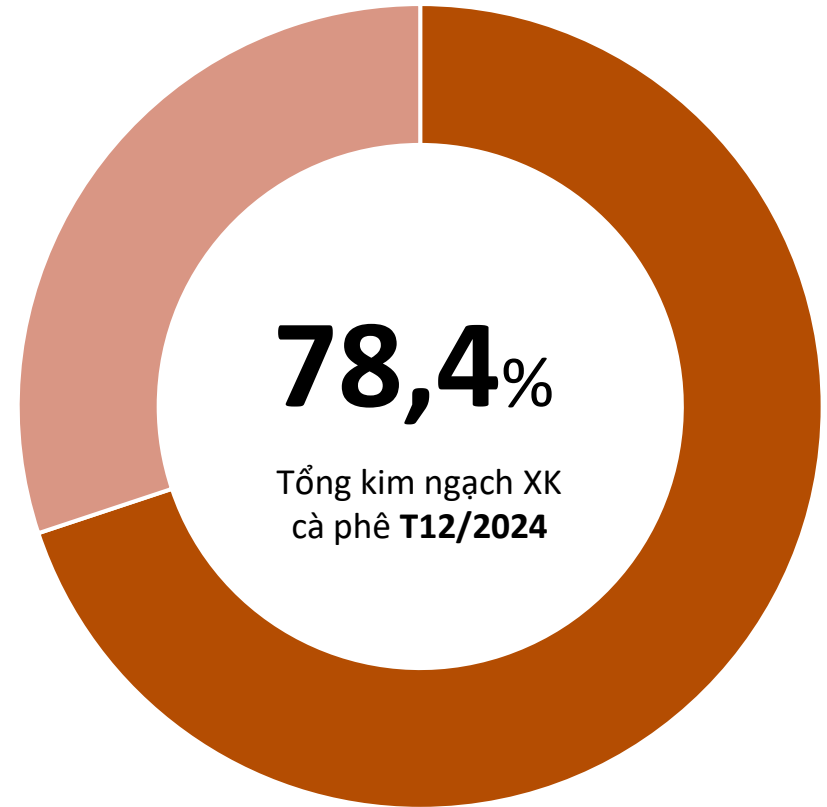


7.2%



6.4%

Tỷ trọng về kim ngạch của TOP 5 DN XK sang thị trường Nhật Bản, T01/2025





Năm 2024, lượng tiêu thụ cà phê tại Nhật Bản giảm 0,4% so với năm trước, đạt 400.218 tấn. Nguyên nhân chính là do nhu cầu cà phê nóng giảm do thời tiết nắng nóng và giá hạt cà phê nguyên liệu tăng cao kỷ lục trong 47 năm, khiến giá thành phẩm tăng. Doanh số cà phê lon cũng giảm, góp phần vào sự sụt giảm chung. Tuy nhiên, nhờ nhu cầu từ khách du lịch nước ngoài và tiêu dùng tại nhà tăng, các sản phẩm cà phê dạng hạt, khử caffeine và cà phê dạng thanh vẫn có doanh số tốt. Để phục hồi tiêu thụ, ngành cà phê cần nhấn mạnh giá trị sản phẩm để người tiêu dùng chấp nhận mức giá cao hơn, đồng thời đẩy mạnh thị trường cà phê pha lạnh.

Các doanh nghiệp cũng đang tập trung vào cà phê pha lạnh và mở rộng dòng cà phê hòa tan dạng thanh nhằm tiếp cận các khách hàng trẻ. Nhật Bản đứng thứ 4 thế giới về tiêu thụ cà phê vào năm 2023, sau Hoa Kỳ, Brazil và Đức, cho thấy nhu cầu vẫn ở mức cao và ổn định. Để phát triển thị trường, việc duy trì chất lượng và đa dạng hóa sản phẩm, đặc biệt là mở rộng thị trường cà phê lạnh – sản phẩm được đánh giá là có tiềm năng phát triển mạnh trong tương lai.

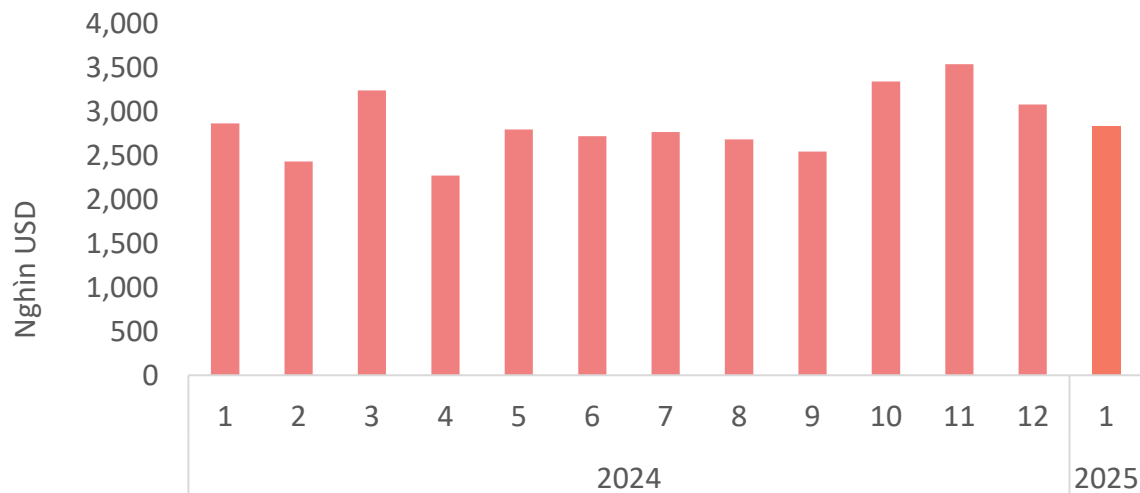
Nguồn: topics.smt.docomo.ne.jp





THỊT VÀ SP TỪ THỊT (XK)

Giá trị xuất khẩu thịt và SP từ thịt sang thị trường Nhật Bản, T01/2025



Kết quả xuất khẩu thịt và SP từ thịt sang thị trường Nhật Bản, T01/2025

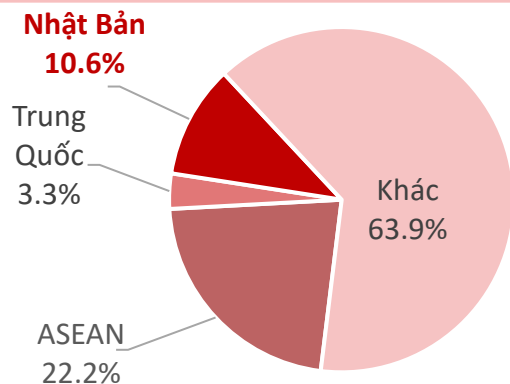


2,84
triệu USD

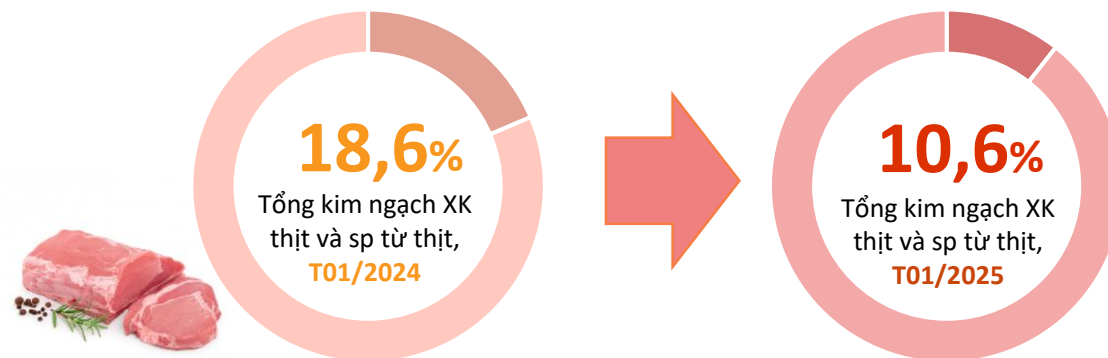
KIM NGẠCH

- ↘ Giảm **8,0%** so với T12/2024
- ↘ Giảm **1,1%** so với T01/2024
- ↘ Thấp hơn **24,3 nghìn USD** so với bình quân theo tháng năm 2024
- ♦ Tháng 01 năm 2025 đạt **2,84 triệu USD**, đạt **8,3%** kim ngạch 2024

Tỷ trọng giá trị XK thịt và SP từ thịt của VN sang thị trường Nhật Bản, T01/2025



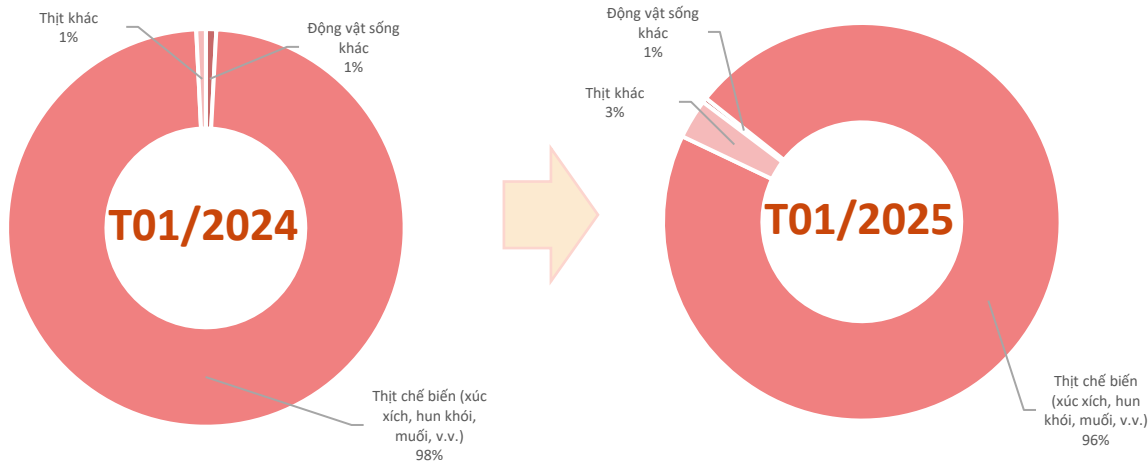
Biến động tỷ trọng giá trị thịt & SP từ thịt của VN sang thị trường Nhật Bản, T01/2025



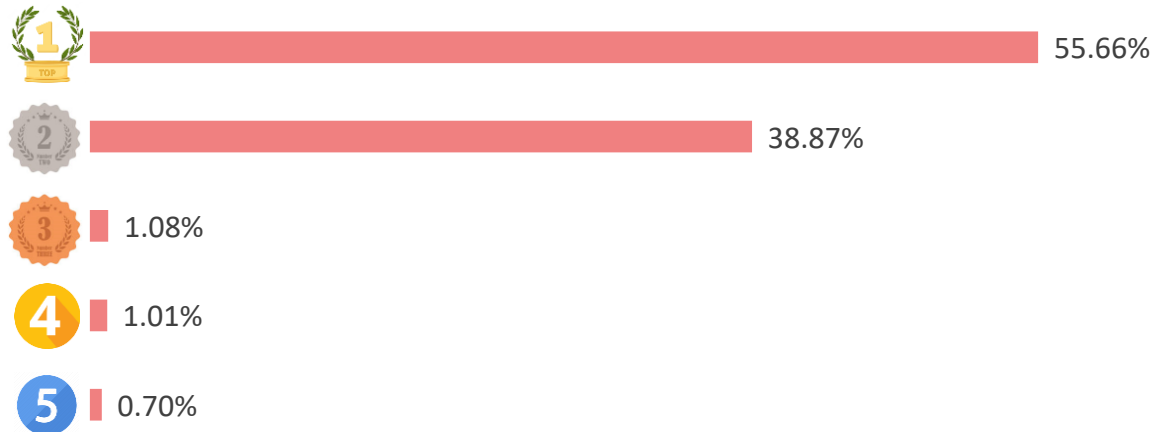


THỊT VÀ SP TỪ THỊT (XK)

Cơ cấu chủng loại thịt và SP từ thịt xuất khẩu sang thị trường Nhật Bản, T01/2025



TOP 5 doanh nghiệp về kim ngạch xuất khẩu thịt và SP từ thịt lớn nhất sang thị trường Nhật Bản, T01/2025



Kết quả xuất khẩu thịt và SP từ thịt sang thị trường Nhật Bản, T01/2025



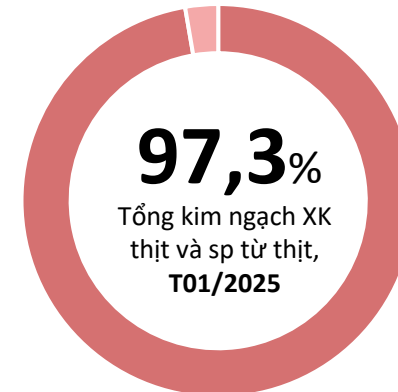
Thịt chế biến (xúc xích, hun khói, muối,...)

Kim ngạch: **2,736** triệu USD

Giảm **7,24%** so với T12/2024

Giảm **3,1%** so với T01/2024

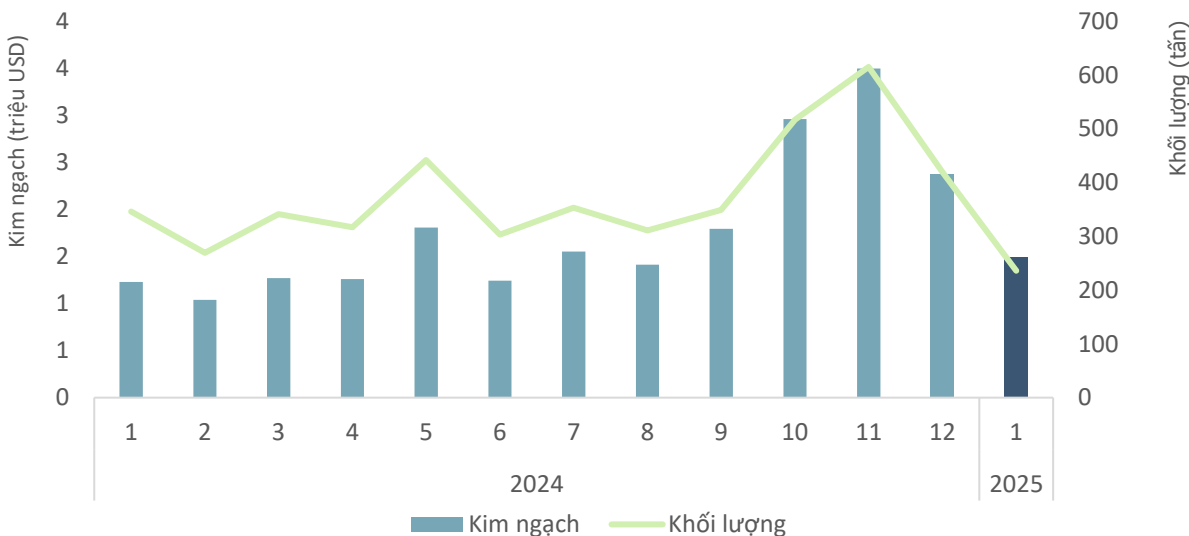
Tỷ trọng về kim ngạch của TOP 5 doanh nghiệp xuất khẩu lớn nhất sang thị trường Nhật Bản, T01/2025



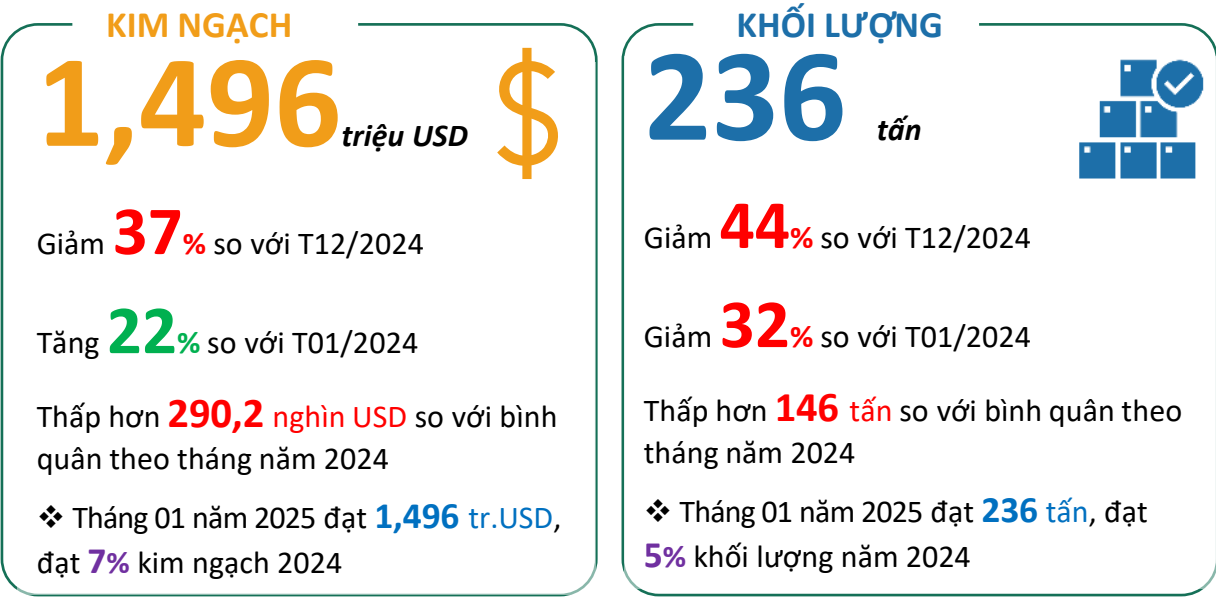


HỒ TIÊU

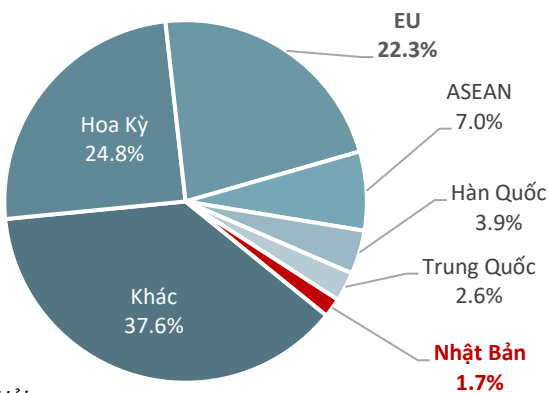
Khối lượng và giá trị hồ tiêu XK sang thị trường Nhật Bản, T01/2025



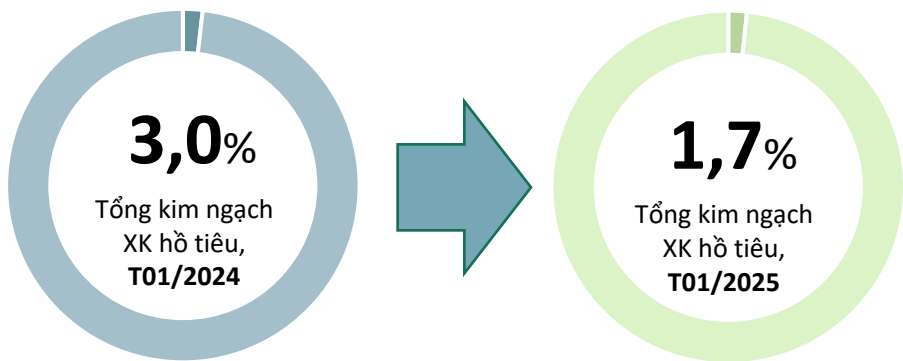
Kết quả XK hồ tiêu sang thị trường Nhật Bản, T01/2025



Tỷ trọng giá trị hồ tiêu của Việt Nam sang thị trường Nhật Bản, T01/2025



Biến động tỷ trọng giá trị hồ tiêu của VN sang thị trường Nhật Bản, T01/2025

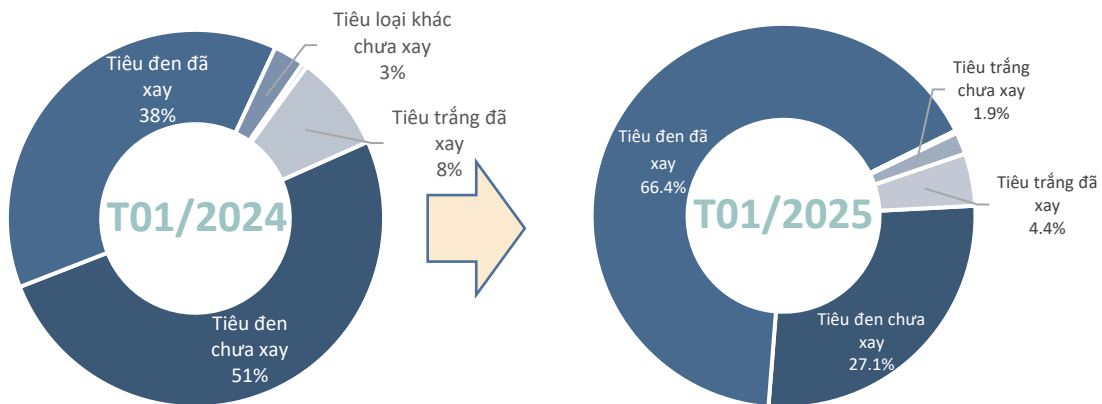


Nguồn: Tổng hợp từ số liệu của Tổng cục Hải quan

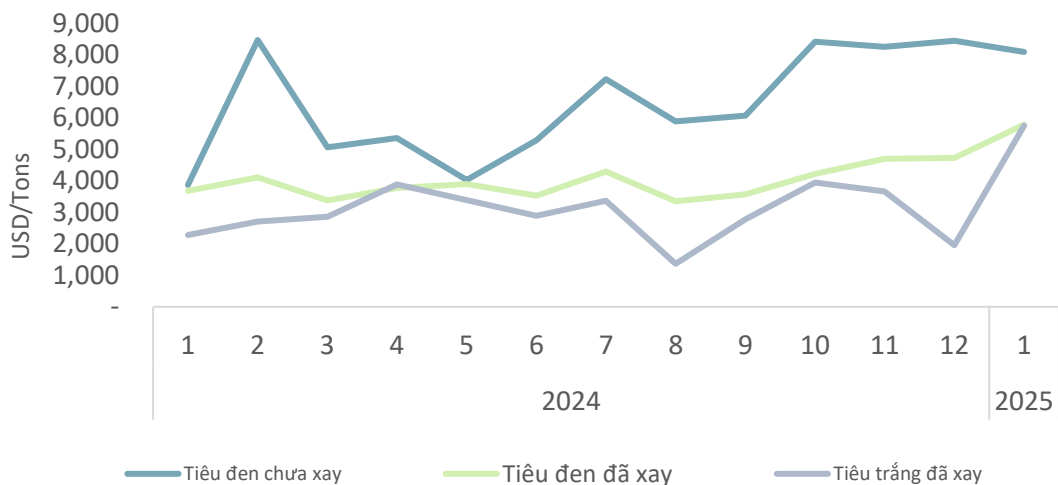


HỒ TIÊU

Cơ cấu chủng loại hồ tiêu XK sang thị trường Nhật Bản, T01/2025



Giá hồ tiêu xuất khẩu bình quân sang thị trường Nhật Bản, T01/2025



Kết quả xuất khẩu hồ tiêu sang thị trường Nhật Bản, T01/2025



Tiêu đen đã xay

Kim ngạch: **0,994** triệu USD

Giảm **17%** so với T12/2024

Tăng **114%** so với T01/2024



Tiêu đen chưa xay

Kim ngạch: **1,3** triệu USD

Giảm **50%** so với T12/2024

Giảm **35%** so với T01/2024

Tiêu đen chưa xay

Giá xuất khẩu bình quân trong T01/2025 ở mức **8.092** USD/tấn; giảm **4,2%** so với tháng trước; và tăng **109,1%** so với cùng kỳ năm 2024.

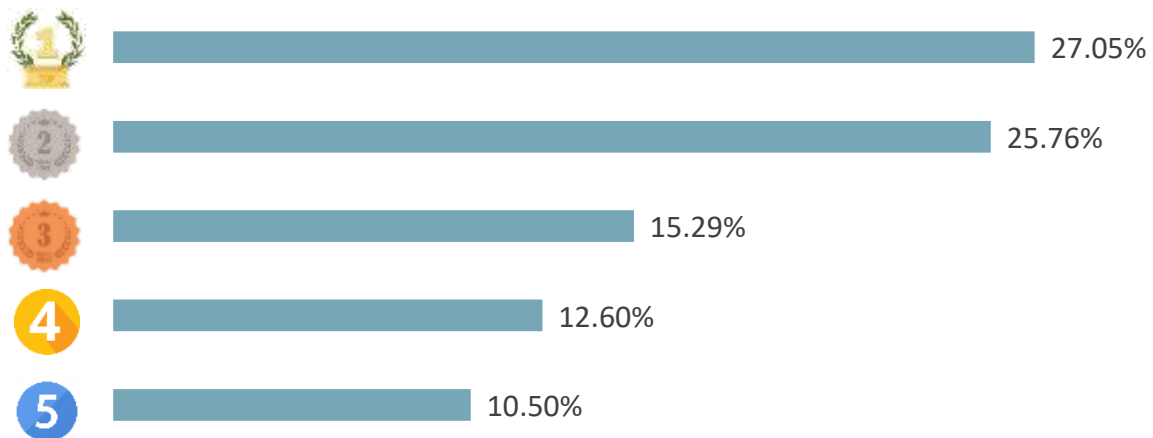
Tiêu đen đã xay

Giá xuất khẩu bình quân trong T01/2025 ở mức **5.782** USD/tấn; tăng **22,3%** so với tháng trước; và tăng **57%** so với cùng kỳ năm 2024.

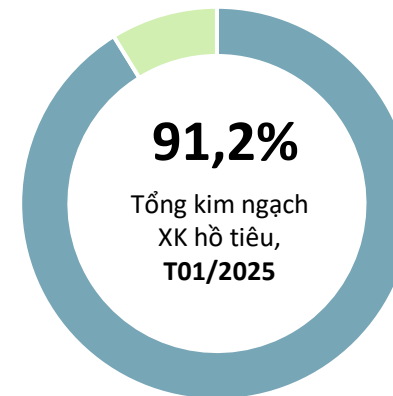


HỒ TIÊU

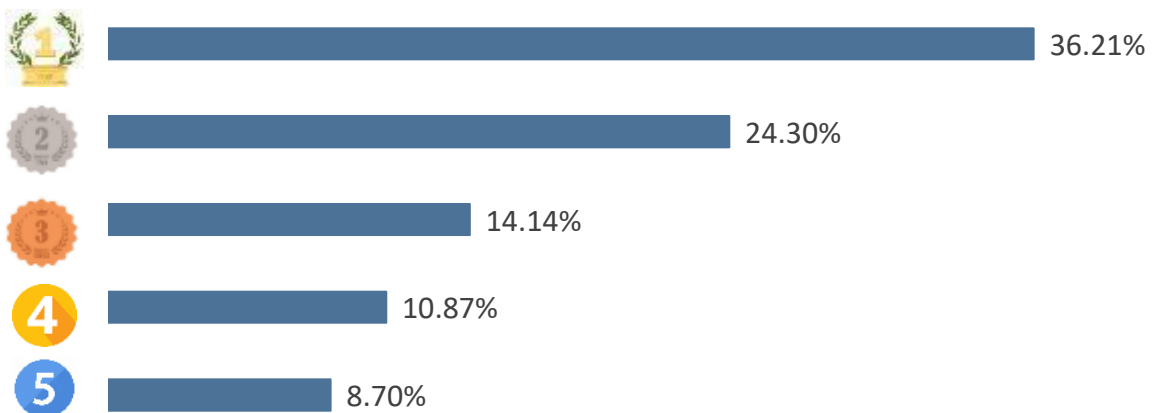
TOP 5 doanh nghiệp về kim ngạch xuất khẩu hồ tiêu sang thị trường Nhật Bản, T01/2025



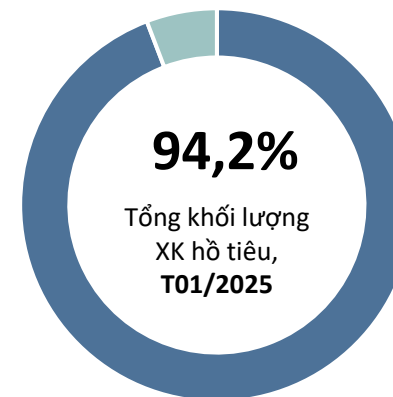
Tỷ trọng về kim ngạch của TOP 5 doanh nghiệp xuất khẩu hồ tiêu sang thị trường Nhật Bản, T01/2025



TOP 5 doanh nghiệp về khối lượng xuất khẩu hồ tiêu sang thị trường Nhật Bản, T01/2025



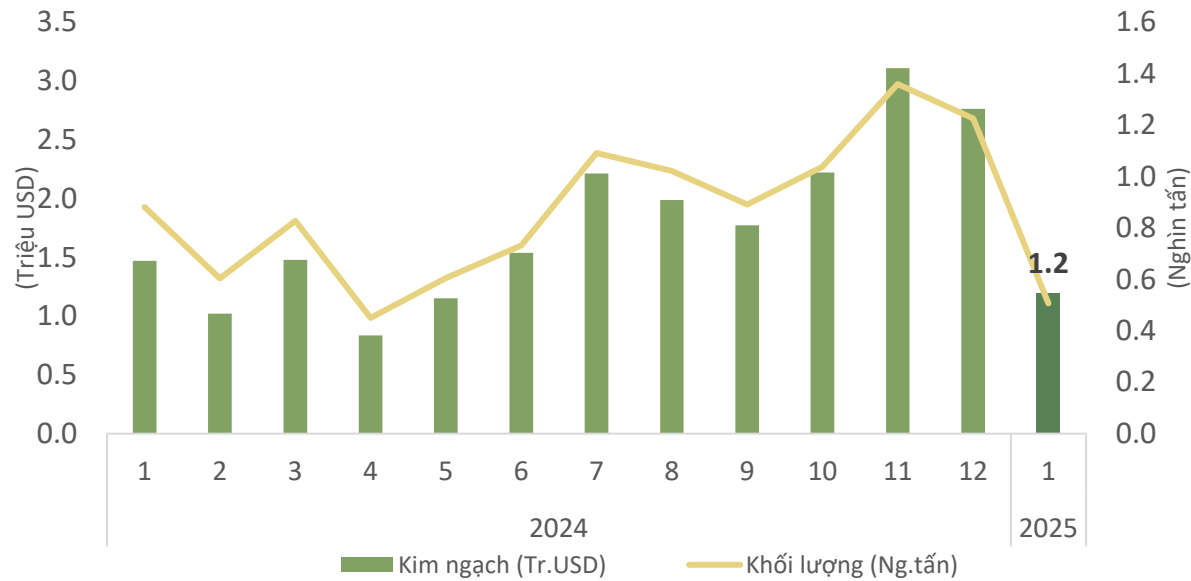
Tỷ trọng về khối lượng của TOP 5 doanh nghiệp xuất khẩu hồ tiêu sang thị trường Nhật Bản, T01/2025



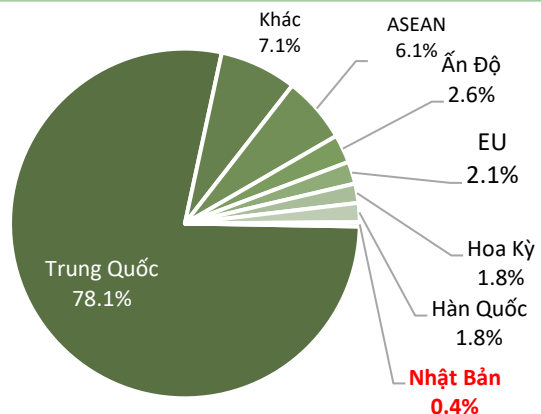


CAO SU

Khối lượng và giá trị cao su xuất khẩu sang thị trường Nhật Bản, T01/2025



Tỷ trọng giá trị cao su của Việt Nam sang thị trường Nhật Bản, T01/2025



Kết quả xuất khẩu cao su sang thị trường Nhật Bản, T01/2025

KIM NGẠCH

1,19 triệu USD

↘ Giảm **57%** so với T12/2024

↘ Giảm **19%** so với T01/2024

↓ Thấp hơn **0,6 triệu USD** so với bình quân theo tháng năm 2024

❖ Tháng 01 năm 2025 đạt **1,19 triệu USD**, đạt **5,5%** kim ngạch năm 2024

KHỐI LƯỢNG

506 tấn

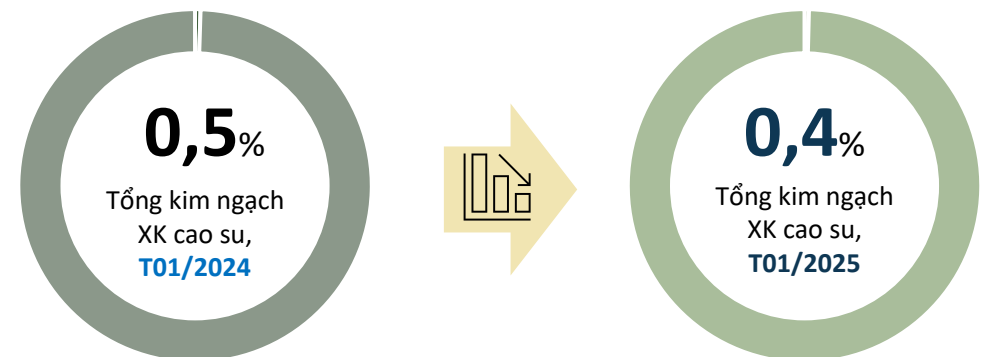
↘ Giảm **59%** so với T12/2024

↘ Giảm **43%** so với T01/2024

↓ Thấp hơn **387 tấn** so với bình quân theo tháng năm 2024

❖ Tháng 01 năm 2025 đạt **506 tấn**, đạt **4,7%** khối lượng năm 2024

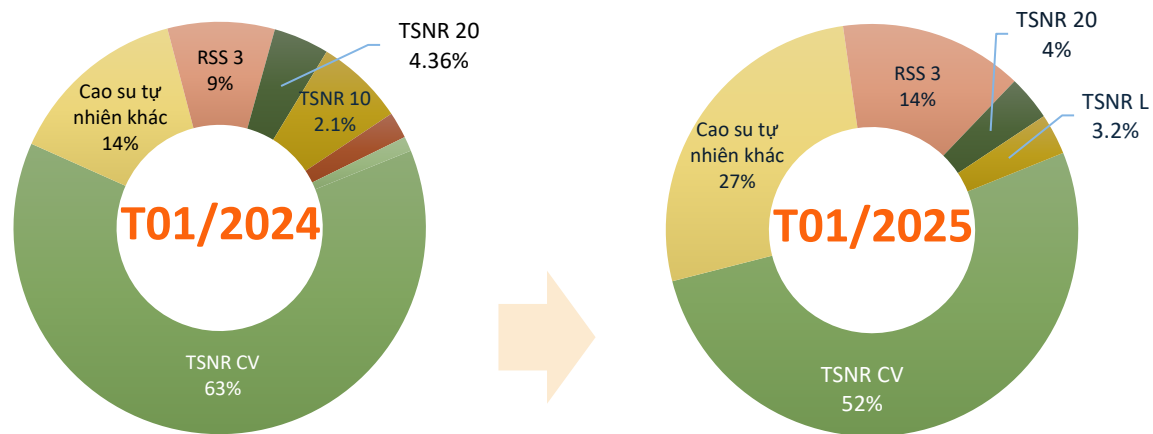
Biến động tỷ trọng giá trị cao su sang thị trường Nhật Bản, T01/2025



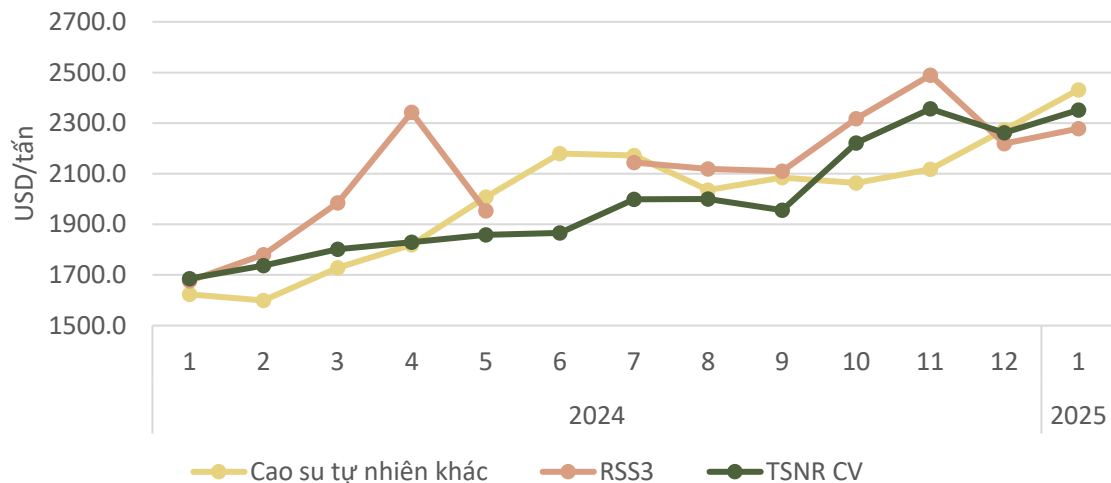


CAO SU

Cơ cấu chủng loại cao su tự nhiên xuất khẩu sang thị trường Nhật Bản, T01/2025



Giá cao su xuất khẩu bình quân sang thị trường Nhật Bản, T01/2025



Kết quả xuất khẩu cao su sang thị trường Nhật Bản, T01/2025



Cao su tự nhiên khác

Kim ngạch: **318,5** nghìn USD

Giảm **64%** so với T12/2024

Tăng **52%** so với T01/2024



TSNR CV

Kim ngạch: **620,8** nghìn USD

Giảm **53%** so với T12/2024

Giảm **33%** so với T01/2024



RSS3

Kim ngạch: **171,5** nghìn USD

Tăng **279%** so với T12/2024

Tăng **39%** so với T01/2024

Cao su tự nhiên khác

Giá xuất khẩu bình quân trong T01/2025 ở mức **2.431** USD/tấn; **tăng 7,0%** so với tháng trước; và **tăng 50%** so với cùng kỳ năm 2024.

TSNR CV

Giá xuất khẩu bình quân trong T01/2025 ở mức **2.351** USD/tấn; **tăng 3,9%** so với tháng trước; và **tăng 40%** so với cùng kỳ năm 2024.

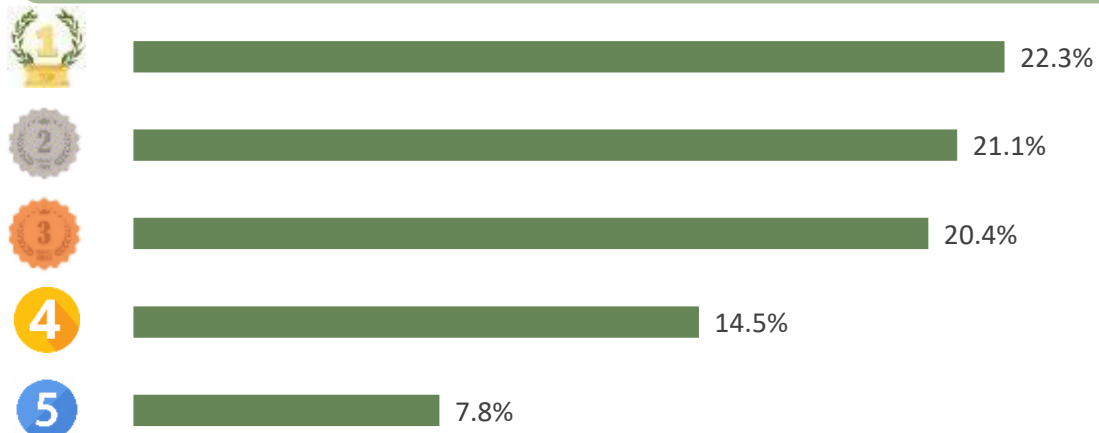
RSS3

Giá xuất khẩu bình quân trong T01/2025 ở mức **2.132** USD/tấn; **tăng 2,7%** so với tháng trước; và **tăng 36%** so với cùng kỳ năm 2024.

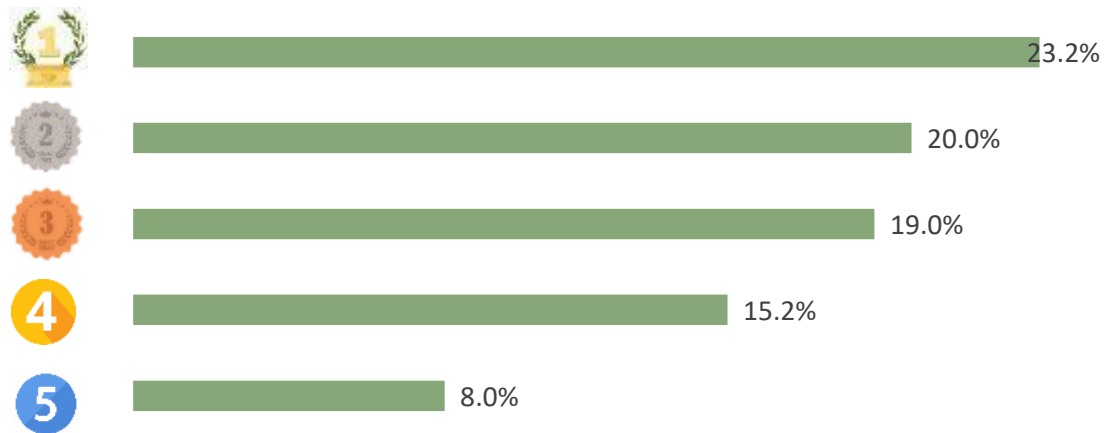


CAO SU

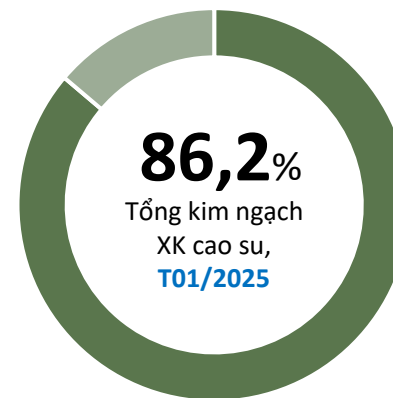
TOP 5 doanh nghiệp về kim ngạch xuất khẩu cao su sang thị trường Nhật Bản, T01/2025



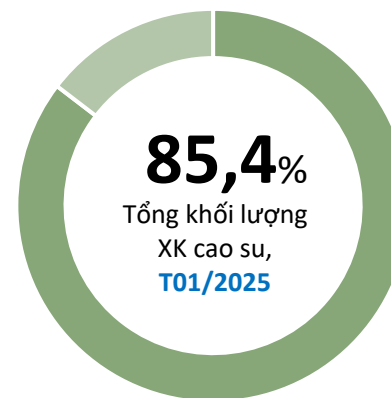
TOP 5 doanh nghiệp về khối lượng xuất khẩu cao su sang thị trường Nhật Bản, T01/2025



Tỷ trọng về kim ngạch của TOP 5 doanh nghiệp xuất khẩu cao su sang thị trường Nhật Bản, T01/2025



Tỷ trọng về khối lượng của TOP 5 doanh nghiệp xuất khẩu cao su sang thị trường Nhật Bản, T01/2025





ĐIỂM TIN THỊ TRƯỜNG CAO SU NHẬT BẢN

Công ty TNHH Kōhoku Rubber Seisakusho (Nhật Bản) sẽ ra mắt sản phẩm mới "Rebbur" vào ngày 03/3/2025. Đây là sản phẩm được sản xuất từ một loại cao su kết hợp với một số phụ phẩm trong sản xuất thực phẩm như vụn rong biển, bã trà và vỏ trứng. Dòng sản phẩm đầu tiên gồm chậu cây (Planter), giá đỡ (Stand) và lót ly (Coaster).

"Rebbur" mang thông điệp về "tư duy đảo chiều", "tái sinh" và được làm từ nguyên liệu hữu cơ tự nhiên. Sản phẩm đã giành giải "Best Sustainability Award" tại Tokyo International Gift Show 2025.

Nguồn: prtmes.jp



Tin liên quan



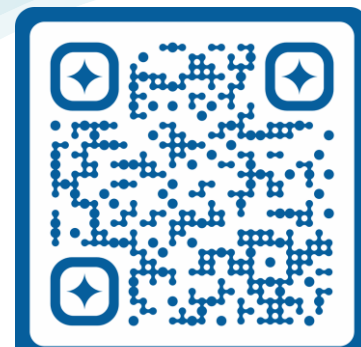
Ý kiến góp ý, xin vui lòng gửi đến:

TRUNG TÂM THÔNG TIN PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP NÔNG THÔN
VIỆN CHÍNH SÁCH VÀ CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP NÔNG THÔN

Địa chỉ: *Số 16 Thụy Khuê, P. Thụy Khuê, Q. Tây Hồ, Hà Nội*

Email: thongtinthitruong@ipsard.gov.vn; info@agro.gov.vn

Website: <http://agro.gov.vn/>



Xem thêm báo cáo